

895.922 34

ĐC

H 401 Đ

Thuyền

HOA ĐỎ BÊN SÔNG



LÝ LUẬN VÀ PHÊ BÌNH VĂN HỌC
CHUYÊN ĐỀ VĂN NGHỆ ĐỒNG NAI



NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

HOA ĐỎ BÊN SÔNG

BÙI CÔNG THUẦN

Hoa Đỗ Ban Song

Lý Luận Phê Bình
Chuyên Đề Văn Nghệ Đồng Nai

~~ĐD/PM/VV 108158~~

TÁC GIẢ
Kính Biểu

THƯ VIỆN
TỈNH ĐỒNG NAI

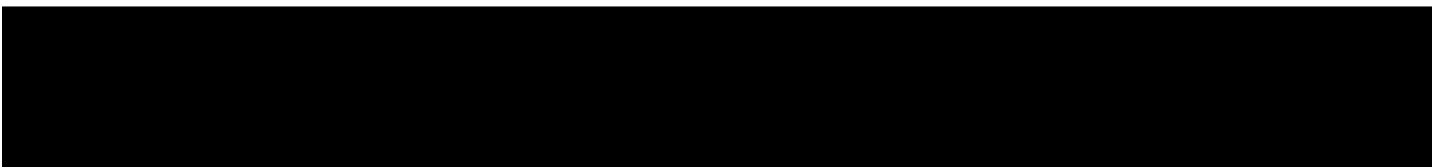
2018/BC/VV 00001350

Trần Minh

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN *Bùi Công Thuần*

PHẦN I

HOA ĐỎ BÊN SÔNG



1. Với Văn Nghệ Đồng Nai
2. Thơ Đồng Nai - Hành trình 30 năm
3. Lê Thanh Xuân - Nỗi Buồn biết gửi vào đâu
4. Trần Ngọc Tuấn - Người thơ tài hoa
5. Nguyễn Đức Phước - Trái tim biết khóc
6. Đào Trọng Thử - Sao anh lại trốn
7. Nguyễn Hoài Nhơn - Hồn Quang
8. Đàm Chu Văn - Đi suốt đời chưa hết niềm say
9. Hoàng Đình Nguyễn - Giữa xa xăm đợi chờ
10. Đỗ Minh Dương - Tóc bạc rồi hồn vẫn trẻ thơ
11. Hải Ba - Người thơ dở dang
12. Thơ Đường luật trong dòng chảy thơ Việt đương đại
13. Trong vườn thơ quần chúng
14. Ba mươi năm văn xuôi Đồng Nai, một phác thảo
15. Lý Văn Sâm - Hành trình tìm kiếm nhân vật lý tưởng
16. Hoàng Văn Bốn - Trên mảnh đất này
17. Nguyễn Đức Thọ - Hồn ức làng Che
18. Khôi Vũ - Đàn ông tre
19. Phạm Thanh Quang - Một tấm lòng người lính
20. Bùi Quang Huy - VHĐN lịch sử & diện mạo
21. Những sắc màu riêng trong vườn hoa đỏ
22. Sự tương phản của những sắc màu thẩm mỹ...
23. Nguyễn Một - Ngược Mặt trời

Với Văn Nghệ Đồng Nai

(Thay lời giới thiệu)

Năm 1988 tôi được kết nạp vào Hội Văn hóa nghệ thuật Đồng Nai, Ban Âm Nhạc. Trong lễ kết nạp, cố nhà văn Nguyễn Đức Thọ có phòng vấn tôi và đưa tin. Tôi nhớ mãi nụ cười hiền lành và tác phong lành lợi của anh. Sau này khi viết phê bình văn chương, tôi mới đọc văn Nguyễn Đức Thọ. *Hồi Ước Làng Che* và *Dấu Chân Tiên* của anh thực sự thuyết phục tôi. Anh viết về những bi kịch dữ dội của con người Việt Nam trong những khúc quanh khốc liệt của lịch sử. Tôi nhìn thấy ở anh triển vọng một nhà văn viết truyện ngắn hay của văn chương Việt Nam. Rất tiếc anh lại ra đi quá sớm. Những tài năng thực sự phải chăng chỉ lóe sáng như một ánh sao băng giữa trời. Nguyễn Đức Thọ nhắc tôi nhớ đến ngọn nguồn Hội Văn hóa nghệ thuật Đồng Nai, thời nhà văn Lý Văn Sâm làm chủ tịch Hội.

Tôi ở xa, rất ít có dịp gặp gỡ các nhà văn Đồng Nai. Những năm 1980, thỉnh thoảng tôi có nhìn thấy nhà văn Lý Văn Sâm đi vào văn phòng Hội. Tôi là kẻ hậu bối, chỉ đứng xa mà ngưỡng phục. Ông không chỉ là nhà văn nổi tiếng, mà nhìn dáng ông, tôi có nhiều điều ngẫm ngợi. Một

con người vóc dáng nhỏ thó, gầy guộc, thanh thoát vậy mà lại sống và viết trong lòng địch mấy chục năm, chịu bất bớ giam cầm vì ngòi bút của mình. Ở ông toát ra một sức mạnh mà tôi không hiểu nổi. Sức mạnh của một con người, một nhà văn có lý tưởng. Hiểm nguy, gian khổ như vậy mà ông vẫn viết được, viết hay và viết rất sung sức. Ít có nhà văn Đồng Nai nào viết về đất nước con người Đồng Nai hay như ông. Hẳn những trang văn của ông sẽ còn là thách thức đối với những nhà văn trẻ Đồng Nai, và tôi nghĩ khó có nhà văn trẻ Đồng Nai nào vượt qua ông. Bởi họ không sinh ra, lớn lên và sống chết với đất nước này. Họ cũng không sống và viết cho một lý tưởng cao đẹp như thời đại của ông, và hơn thế, họ khó có được những trang văn đẹp lãng mạn nhưng lại đầy sức mạnh hiện thực, giàu màu sắc thâm mỹ như ông. Ở Đồng Nai, những nhà văn như ông chỉ có Hoàng Văn Bôn.

Cho đến giờ, tôi vẫn còn nợ nhà văn Hoàng Văn Bôn một món nợ tinh thần, món nợ tự nguyện. Đó là tôi chưa thể viết được một công trình nghiên cứu về ông. Bởi ông không chỉ là nhà văn, mà còn là nhà văn hóa lớn của Đồng Nai. Những lần gặp ông ở văn phòng Hội, lúc nào tôi cũng thấy ông ưu tư. Ông bảo tôi muốn đọc tác phẩm nào của ông thì cứ ghé nhà. Trước một khối lượng tác phẩm đồ sộ của ông, tôi biết mình không đủ sức khám phá hết tài năng nhiều mặt của ông. Điều làm tôi kính phục ông là, ông sinh ra và sống chết *Trên Mảnh Đất Này*, ông sống và viết cho một lý tưởng cao đẹp. Ông đã có những đóng góp cho văn học nghệ thuật chung của cả nước, như một nhà văn lớn. Tôi gọi ông là nhà văn lớn bởi ông có nhiều bộ tiểu thuyết sử thi viết về Đồng Nai, hẳn nhiên ông đã đổ hết công sức

và tâm huyết của ông cho những bộ sử thi ấy. Và hẳn nhiên, ông đã sống đắm mình trong thời đại bão táp Cách mạng và kháng chiến vĩ đại của dân tộc thì ông mới có thể phản ánh được thời đại lịch sử vẻ vang ấy. Những nhà văn như ông ở Đồng Nai chỉ có Huỳnh Văn Nghệ, Lý Văn Sâm. Nhà văn trẻ không ai có thể theo chân ông được. Và tôi biết, ông sẽ còn mãi ưu tư.

Tất nhiên là mỗi nhà văn có một không gian nghệ thuật riêng của mình, có ưu thế riêng về khả năng thể hiện, và có những nhiệm vụ riêng mà người cầm bút tự nguyện dấn thân. Gần đây *Đàn Ống Tre Bên Kia Sông* của Khôi Vũ được Nhà xuất bản Đồng Nai chọn in tài trợ, là một dấu chỉ Khôi Vũ là nhà văn Đồng Nai có cốt cách riêng. Tôi có “duyên” với nhà văn Khôi Vũ từ bên Ban Âm Nhạc. Ông giúp tôi in tuyển tập nhạc, nhân dịp tôi tổ chức một đêm nhạc kỷ niệm 30 năm viết ca khúc (tháng 11. 1998). Trong lời giới thiệu tập sách, ông phát hiện ra trong các ca khúc của tôi có những nốt thăng (#), giáng (b) bất thường, giống như những lặn độn trong đời thực của tôi. Điều ấy làm tôi rất thú vị, bởi ông thẩm thấu nhạc của tôi rất sâu sắc. Hèn gì mà (ông kể với tôi), trong một năm người ta mời ông tham gia làm giám khảo tới mấy chục cuộc hội thi âm nhạc. (Xin lưu ý, ông cũng là một nhạc sĩ sáng tác ca khúc).

Có lần tôi hỏi ông, làm việc xã hội nhiều như vậy thì ông lấy đâu ra thời gian để viết văn, ông chỉ cười (bí mật nghề nghiệp). Thực sự là tôi thán phục sức làm việc và sức viết của ông. Tôi hiểu thế nào là một nhà văn chuyên nghiệp. Ông cho xuất bản tác phẩm đều đều, và tác phẩm của ông sống lâu bền trong lòng bạn đọc. Ở Đồng Nai,

Khôi Vũ là nhà văn nỗ lực không ngừng đổi mới ngòi bút của mình. Điều này khiến nhà văn trẻ có thể học tập. *Lời Nguyên Hai Trăm Năm* của ông là một khám phá về kết cấu hai tuyến truyện song song khá độc đáo của tiểu thuyết Việt Nam đương đại. Đến *Vỡ Dấn Trong Mất*, ông có một bước cách tân khác về lối viết. Ông có tài kể những chuyện đời thường, dung dị nhưng giàu ý nghĩa tư tưởng. Ông có cách nói bộc trực Nam Bộ, nhưng lại có sự ý nhị khôn ngoan của văn hóa Bắc Bộ. Tôi học được ở ông nhiều bài học của người cầm bút. Lần ông giúp tôi in cuốn *Chút Tình Tri Âm*, ông bảo, tôi chưa in cuốn nào vất vả như in cuốn này, tranh cãi nhiều lần với Nhà xuất bản để bảo vệ bài viết của tôi. Sách được in đẹp, dày dặn, đặt được một cột mốc trong đời viết phê bình văn chương của tôi. Cả những khi ngòi bút của tôi mất lửa, ông cũng giúp tôi giữ gìn nhiệt tình với văn chương.

Sự thật là, khi viết phê bình văn chương, tôi bị mất lửa nhiều lần. Vì tôi đã ảo tưởng về thời đại của mình. Tôi ảo tưởng rằng, phê bình là đánh giá tác phẩm, tìm kiếm cái đẹp nghệ thuật và qua đó khẳng định tài năng văn chương. Tôi ngộ ra sự ảo tưởng của mình khi nhận ra thời đại của tôi khác với thời đại của Hoài Thanh. Thời của Hoài Thanh, tài năng lấp lánh như sao đầy trời. Văn chương Việt Nam hôm nay rất hiếm tài năng. Như thế, làm gì có chỗ cho phê bình nghệ thuật. Người cầm bút viết văn làm thơ hôm nay viết vì rất nhiều thứ ngoài văn chương. Thật khó tìm được một nhà thơ nhà văn dành cả đời mình để khám phá cái đẹp, viết để làm giàu có đời sống tinh thần của nhân dân và làm phong phú vốn văn hóa của dân tộc. Lúc sinh thời, nhà thơ Hải Ba đọc bài tôi viết về thơ ông, ông đã phủ định

thắng thường những nhận xét của tôi. Tôi hiểu ông ái ngại về những nhận xét ấy, vì nó dễ làm tổn thương con người xã hội của ông. Ông là một đảng viên. Mà đảng viên thời của ông (1960-1990) phải là những con người toàn vẹn, lý tưởng, không thể có khuyết điểm. Đọc thơ ông, tôi nhận ra những quan ngại của ông về lý tưởng ông theo đuổi, ông tỏ lộ những điều không thể chấp nhận (với tư cách đảng viên). Tôi biết ông sợ. Bởi ông đã sống suốt một đời treo nổi sợ vô hình trên đầu.

Bây giờ tôi hiểu hơn về các Hội Văn Nghệ địa phương (kể cả Hội Nhà Văn trung ương). Ở các Hội Văn Nghệ địa phương, chức năng của Hội là làm văn nghệ phục vụ chính trị. Hội có chức năng phát triển văn nghệ quần chúng. Nghị quyết 23 của Bộ Chính Trị đã đề ra quan điểm chỉ đạo và nhiệm vụ cụ thể: *“Văn hóa, văn nghệ là một bộ phận không thể thiếu của toàn bộ sự nghiệp cách mạng, có sứ mệnh phục vụ các nhiệm vụ của cách mạng trong từng thời kỳ và gắn bó sâu sắc với đời sống nhân dân... Phát triển sâu rộng văn nghệ quần chúng, đồng thời tập trung xây dựng phát triển văn học, nghệ thuật chuyên nghiệp”*. Quy định số 284-QĐ/TW ngày 5-2-2010 của Ban Bí thư đã khẳng định: *“Công tác cán bộ lĩnh vực văn hóa, văn học, nghệ thuật là công tác cán bộ của Đảng. Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ lĩnh vực văn hóa, văn học, nghệ thuật...”* Các quan điểm ấy đã xác lập tiêu chí chính trị là tiêu chí tiên quyết của văn nghệ. Đó cũng là quan điểm của Đảng xuyên suốt trong các thời kỳ Cách mạng Việt Nam, từ Hội Văn hóa Cứu Quốc 1943 đến nay. Điều này càng quan trọng khi tình hình đạo đức xã hội ngày càng suy thoái, và nhiệm vụ bảo vệ tổ quốc là nhiệm vụ hàng đầu.

Vì thế Hội Văn Nghệ hay tạp chí Văn Nghệ của Hội trước hết, và tiên quyết, phải phục vụ các nhiệm vụ chính trị của địa phương. Kế hoạch hoạt động của Hội hàng năm đều phải đặt mục tiêu thực hiện nhiệm vụ chính trị của Tỉnh. Khi đã đặt tiêu chí chính trị làm tiên quyết thì vấn đề chất lượng nghệ thuật không phải là quyết định. Cũng vì thế vấn đề phê bình văn nghệ, trước hết phải đặt trên tiêu chí chính trị, lấy việc phục vụ các nhiệm vụ cách mạng là thang giá trị. Đánh giá tác phẩm là xem xét tác phẩm đáp ứng thế nào các nhiệm vụ chính trị, có sai phạm chính trị hay không? Thật cũng dễ hiểu Hội kết nạp tất cả những ai có khả năng cầm bút phục vụ cho nhiệm vụ cách mạng (gọi chung là quần chúng), mà không bận tâm nhiều đến tài năng sáng tạo. Ngoài những nhà thơ nhà văn được kết nạp vào Hội Nhà Văn có tay nghề chuyên nghiệp hơn, những người cầm bút khác trong Hội là thuộc về *văn nghệ quần chúng*. Tôi đã đọc văn nghệ Đồng Nai với tinh thần ấy. Và tôi cũng đọc văn nghệ Đồng Nai với tiêu chí khác, tiêu chí khám phá những cá tính sáng tạo và phong cách nghệ thuật trong sự vận động nội tại của lịch sử văn học.

Văn nghệ Đồng Nai hiện nay đã có nhiều tên tuổi. Đó là các nhà văn (xin gọi chung là vậy) Anh Hoàng, Trần Thúc Hà, Tấn Hoài, Lê Đăng Kháng, Phạm Thanh Quang, Đào Sỹ Quang, Nguyễn Một, Dương Đức Khánh, Trần Thu Hằng, Hoàng Ngọc Diệp, Trâm Oanh, Hạnh Vân... Các nhà thơ Cao Xuân Sơn, Trương Nam Hương, Hải Ba (trước kia), Lê Thanh Xuân, Đàm Chu Văn, Đỗ Minh Dương, Xuân Bảo, Hồng Phương, Đào Trọng Thử, Nguyễn Hoài Nhơn, Ngọc Thùy Giang, Trần Ngọc Tuấn, Nguyễn Đức Phước, Tiêu Thanh Giang, Khương Hà Bùi, Nguyễn Thị

Khánh... Tôi đã được đọc ít nhiều tác phẩm của các tác giả này. Tôi thấy rằng đội ngũ nhà thơ nhà văn Đồng Nai sung sức, say mê văn chương, thực hiện tốt trách nhiệm nhà văn - chiến sĩ. Tác phẩm phục vụ tốt cho nhiệm vụ cách mạng của Đồng Nai (xin đọc tác phẩm của các trại sáng tác về học tập gương đạo đức Hồ Chí Minh, đề tài Công nghiệp, đề tài Tam nông, đề tài nhà giáo, nhà trường...). Cá nhân mỗi người cầm bút đều có những nỗ lực âm thầm tự thân. Những vấp vấp lúc này lúc khác là trong quá trình vượt lên để trưởng thành, để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của từng giai đoạn, không có những sai phạm như *Đi Tìm Cái Tôi Đã Mất* của Nguyễn Khải hay *Hồi Ký Nguyễn Đăng Mạnh*...

Nhìn trong xu thế phát triển, có nhà văn Đồng Nai đã vươn tầm vóc đến với bạn đọc cả nước, tác phẩm đạt giải của Hội Nhà Văn. Đó là tín hiệu đáng mừng của văn nghệ Đồng Nai hôm nay. Tuy nhiên, xét ở mặt tài năng sáng tạo (khai phá lối viết mới, có được tư duy nghệ thuật mới) và phong cách độc đáo, thì văn chương của các tác giả Đồng Nai hôm nay còn mờ nhạt. Tôi chưa nhìn thấy triển vọng nào trên con đường phát triển của văn nghệ Đồng Nai, bởi đội ngũ chủ lực của văn nghệ Đồng Nai hôm nay đã nhiều tuổi, lực bất tòng tâm và đội ngũ kế thừa chưa khẳng định được tài năng và sức lực để đi trên con đường vạm vỡ.

Là người viết phê bình văn chương, tôi quan tâm đến tác phẩm và giá trị tác phẩm (tôi không dùng chữ chất lượng). Bởi khi xét giá trị tác phẩm, thì tùy tiêu chí đánh giá mà tác phẩm có giá trị hay không. Khi đã lấy tiêu chí *phục vụ các nhiệm vụ của cách mạng* làm chuẩn, kết hợp với nhiệm vụ *phát triển sâu rộng văn nghệ quần chúng* làm

nhiệm vụ trọng tâm thì tiêu chí về chất lượng nghệ thuật là chuẩn mực hạng hai. Và ngay cả lấy chuẩn mực nghệ thuật, thì thế nào là hay, thế nào là không hay cũng không dễ phân định rạch ròi. Thế nên nhiều khi tôi cũng băn khoăn về một vài việc liên quan đến tiêu chí. Chẳng hạn giải Trịnh Hoài Đức đặt ra tiêu chí tác phẩm phải có ít nhất 50 phần trăm nội dung viết về đất nước con người Đồng Nai. Điều này đúng với yêu cầu chính trị, nhưng thật khó cho nhà văn. Bời văn chương cần phải vượt qua cái ao làng, vươn tới cộng đồng cả nước và cộng đồng thế giới. Cuốn *Chút Tình Tri Âm* của tôi được giải khuyến khích vì tiêu chí này, mặc dù tôi mất bốn năm mới hoàn thành, trong khi có bài hát viết về Đồng Nai lại đạt giải A, giải B. Thú thực nếu có cảm hứng, một nhạc sĩ có thể chỉ mất 30 phút là viết xong một ca khúc, không cần mất 4 năm như tôi. Vâng, còn nhiều điều băn khoăn, nhưng điều quan trọng đối với một người cầm bút không phải là giải thưởng, mà là anh có viết được không, tác phẩm của anh có được cộng đồng công nhận hay không, tác phẩm ấy có sống được với thời gian hay không?

Tất nhiên là chính quyền và nhân dân Đồng Nai mong mỏi các văn nghệ sĩ Đồng Nai viết được những tác phẩm lớn. Đó là món nợ mà chưa nhà văn nhà thơ Đồng Nai nào trả được (ngoại trừ Lý Văn Sâm, Hoàng Văn Bôn). Ngày xưa (1925-1940), M.Sôlôkhốp chỉ viết về sông Đông cũng trở thành nhà văn thế giới (tác phẩm *Sông Đông Êm Dềm*). Sông Đồng Nai vẫn đang nhẫn nại chờ các nhà văn nhà thơ Đồng Nai viết về mình, như thể *Sông Đồng Nai Êm Dềm* (tôi giả định vậy). Dầu vậy, số lượng tác phẩm được in và được giải của Ban Văn Học Hội Văn hóa nghệ thuật Đồng Nai là những tín hiệu đáng mừng và là những nỗ lực thật đáng

trân trọng. Trong 5 năm (2007-2013) nhà văn nhà thơ Đồng Nai đã in 70 tác phẩm, trong đó có tác phẩm đạt giải của Hội Nhà Văn, của Ủy Ban Toàn Quốc Liên Hiệp Các Hội Văn hóa nghệ thuật Việt Nam.

Tập sách này không phải là văn học sử, cũng không có mục đích phản ánh phong trào sáng tác của văn nghệ Đồng Nai. Người viết chỉ chọn đọc tác phẩm trong phạm vi khả năng của mình, khám phá những giá trị tư tưởng, tình cảm và nghệ thuật của tác giả trong từng tác phẩm cụ thể. Để ghi lại đôi điều ngẫm nghĩ, làm tư liệu cho người đi sau khi tìm hiểu văn chương nghệ thuật Đồng Nai. Các tác giả chuyên nghiệp được đọc chuyên chú hơn. Các tác giả *văn nghệ quần chúng* được đánh giá ở mặt phong trào.

Tôi cũng sử dụng nhiều phương pháp phê bình để xem xét tác phẩm. Trước hết là phương pháp phê bình Cấu Trúc luận, xem xét ý nghĩa tác phẩm từ chính cấu trúc của nó, có khi ý nghĩa ấy không nằm trong chủ đích sáng tạo của tác giả. Rồi đặt tác phẩm trong tương quan với tác giả (phương pháp tiểu sử, phương pháp phê bình Phân Tâm Học), tương quan với xã hội (phương pháp Marxist), với văn hóa cộng đồng (Giải Cấu Trúc và chủ nghĩa Duy Vật Văn hóa) để xem xét giá trị nội dung của tác phẩm. Tôi vận dụng Phong Cách Học và Thi Pháp Học để khám phá cái riêng của tác giả. Bao giờ tôi cũng lần theo ý thức sáng tạo, quan điểm thẩm mỹ của tác giả để tìm đường thâm nhập tác phẩm. Dẫu thế nào, mỗi góc nhìn chỉ thấy được một nửa sự thật. Và vì thế, phê bình gây ra tranh cãi, tranh cãi học thuật, điều ấy là bình thường. Đối với tôi, phê bình cảm tính, chủ quan, không đem đến bất cứ giá trị nào, và nhiều khi nó gây ra tai họa...

Tập sách có hai phần, *Hoa Đỏ Bên Sông* viết về các tác giả Đồng Nai, và *Mở Thêm CỬN SỔ* để nhìn rộng ra những khoảng trời khác của văn chương Việt Nam hiện nay.

Tháng 1. 2013

Thơ Đồng Nai, Hành Trình 30 Năm

1. Nhân kỷ niệm 30 năm thành lập Hội Văn Học Nghệ Thuật Đồng Nai (1979-2009) tôi viết những dòng tản mạn về hành trình 30 năm thơ Đồng Nai, để góp một chút gì cho những sinh hoạt chung của Hội. Những thiếu sót, phiến diện, chủ quan là không tránh khỏi, mong các nhà thơ lượng thứ. 30 năm là một chặng thời gian ngắn ngủi so với lịch sử, song chỉ cần 15 năm (1930-1945) thi ca Việt Nam có cả một thời đại rực rỡ, và 30 năm sau (1945-1975) thơ ca Việt Nam lại đạt những đỉnh cao mới. 30 năm thơ Đồng Nai có được những gì, để lại dấu ấn gì trong lòng người đọc, đóng góp được gì cho thơ ca cả nước?

2. Nói thơ Đồng Nai thì cần xác định ai là “nhà thơ Đồng Nai”? Trong 47 nhà thơ Đồng Nai mà tôi đã đọc¹, chỉ có 4 nhà thơ người Đồng Nai, còn lại ở Lạng Sơn (1), Vĩnh Phú(1), Hải Dương (2), Bắc Ninh (1), Nam Định (3),

¹ Đây không phải là con số chính thức. 2018/BC/VV. 00001350

Những tác giả, tác phẩm nói đến trong bài viết này dựa vào các tuyển tập: Tuyển Tập thơ Đồng Nai 30 Năm. Nxb. Tổng Hợp Đồng nai 2005; Theo Sóng Đồng Nai, Nxb. Đồng Nai 2000. Trăm Tích Chiến Khu D, Nxb Hội Nhà Văn 2006. Tạp chí Văn Nghệ Đồng Nai... Một số tập thơ của các nhà thơ.

Ninh Bình (5), Thái Bình (4), Hà Tây (1), Nam Hà (1), Thanh Hoá (3), Nghệ Tĩnh (5), Quảng Bình (2), Quảng Trị - Huế (4), Quảng Nam (1), Quảng Ngãi (3), Bình Thuận (1), Bình Dương (1), Tiền Giang (1). Trong số họ có người đã thành người thiên cổ (Hải Ba, Tạ Nghi Lễ, Đinh Quang Dĩa). Có người đã chuyển sinh hoạt đi nơi khác như Cao Xuân Sơn, Trương Nam Hương... và những nhà thơ mới chuyển đến Đồng Nai vài năm gần đây (2004). Cũng phải kể đến những nhà văn làm thơ như Lê Đăng Kháng, Phạm Thanh Quang, Trần Thu Hằng, Nguyễn Đức Thọ, Khôi Vũ (anh gọi là văn vần, không gọi là thơ). Quả thực lấy ranh giới địa dư để xác định *nhà thơ Đồng Nai* là điều không ổn, bởi vì không có văn học địa phương, văn học tỉnh lẻ, văn học miệt vườn. Thơ văn là của mọi người, mọi nơi, không có ranh giới. Thơ không bị bó hẹp trong thời gian và không gian. Tuy vậy tôi xin giới hạn trong các tác giả đang sinh hoạt tại Hội Văn hóa nghệ thuật Đồng Nai, đã công bố tác phẩm tại Đồng Nai trong 30 năm qua để xem xét vấn đề.

3. Thơ là tiếng nói của tình cảm, tiếng nói tâm hồn trực tiếp của nhà thơ. Trong 30 năm qua, văn nghệ Đồng Nai đã có hàng trăm tập thơ được xuất bản, nhà thơ Đồng Nai đã cảm nhận gì, đã nói tiếng nói gì của tâm hồn mình trước những cái vắn mình đau đớn của lịch sử và thời đại?

Trước hết nhà thơ nào cũng tỏ lộ lòng mình với quê hương ruột thịt, nơi chôn nhau cắt rốn, với những kỷ niệm ấu thơ, với mẹ, với người thân yêu. Quê hương ruột thịt ấy làm nên căn cốt nhà thơ. Hồng Phương viết *Bến Đồng Nai Nhớ Dòng Nhật Lệ*, Phan Huyền Tùng day dứt với *Hồn Quê*. Tạ Nghi Lễ khôn nguôi nỗi thương nhớ xứ Huế (*Gởi*

Huế Thân Yêu)². Tình quê trong bài *Đưa Mẹ Về Quê*³ của Đỗ Minh Dương thật cảm động

*“Xa quê mấy chục năm rồi
khôn nguôi thửa ruộng cát bồi vồng khoai”.*

Đồng Nai là quê hương thứ hai của nhà thơ. Nơi này đất hiền người lành, nhưng cũng là vùng đất *“miền Đông gian lao mà anh dũng”*. Đào Trọng Thừ nhất định không về quê Ninh Bình mà chọn *“làm trai đất lành”* Đồng Nai (*Gửi Đồng Nai*). Đàm Chu Văn có *Đồng Nai Tráng Khúc* khá hay và giá trị, thể hiện được truyền thống lịch sử và hào khí Đồng Nai. Các nhà thơ khác thì viết về các địa danh, cuộc sống ở Đồng Nai tươi đẹp, sôi nổi: *Hội Ước Mãi Đà* (Đặng Minh Hân), *Thăm Văn Miếu Trấn Biên* (Đỗ Minh Dương), *Soi Gương Hồ Trị An* (Vũ Đức Hậu), *Đêm Biên Hòa* (Nguyễn Hiếu), *Chợ Vĩnh An* (Phan Quang Hợp), *Trở Lại Đồng Nai* (Vũ Xuân Hương), *Mùa Cao Su Thay Lá* (Ngọc Khánh), *Trẩy Hội Chiến Khu D* (Lê Liên), *Chiều Gia Ray* (La Hồng Sơn), *Cù lao Phố*, *Mộ Cổ Hàng Gòn* (Lê Thanh Xuân), *Ký Ước Cánh Đông* (Dương Đức Khánh)... Tình yêu với quê hương Đồng Nai cũng thấm thiết trong sự khám phá riêng của mỗi nhà thơ.

*“Cầu Ghềnh nam nữ sóng đôi
Trăng cù lao sáng giữa trời - Trăng yêu”.*

(Trăng Cù Lao Phố - Đào Trọng Thừ)

² *Gửi Huế Thân yêu*. Tập thơ Những Khoảng Trời trong Sáng, Nxb Trẻ 1995. Tr. 67: “Lâu rồi xa quê mẹ/ Miền Trung nắng cát vàng/ Tiếng ru hời xứ Huế/ Một thời mãi âm vang.../ Chiều nay gởi về mẹ/ Tấm lòng con nhớ thương/ Chim nào xa xứ cũ/ Vẫn mang tình cố hương”.

³ Đỗ Minh Dương, tập thơ *Với Miền Đất Đỏ*, Nxb: Hội Nhà Văn 2007. Tr.11.
*Đã in trên Văn Nghệ Đồng Nai số kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Hội.

Đề tài đau đáu trong lòng nhà thơ là những hoài niệm đẹp về thời kháng chiến chống Mỹ, với tình đồng đội, tình quê hương sâu nặng. Tất cả đã trở thành những giá trị của đời lính, và trở thành thang giá trị để đo cuộc sống hiện tại. *Nằm Vong Giữa Chiến Khu* (Đỗ Minh Dương) là một bài hay và là một bài lục bát tài hoa. *Tìm Ba, Viếng Đồng Hương* (Thạch Hà) là những bài thơ nặng tình nghĩa với người đã hy sinh. *Rừng Gọi* (Vũ Đức Hậu) là tiếng lòng thiết tha của người lính. Đỗ Minh Dương, Đào Trọng Thử, Hải Ba có nhiều bài thơ hay về mảng đề tài này, và dường như các anh chỉ làm thơ hay ở chính những gì các anh đã trải nghiệm trong chiến đấu và hy sinh.

Sống với quá khứ hào hùng và hy sinh, nhiều nhà thơ không hòa lòng mình được với hiện tại còn ngổn ngang tốt xấu. Có lẽ hơn ai hết, nhà thơ mang nỗi buồn đau chất ngất trong tim mình. Khi đất nước chuyển sang nền kinh tế thị trường, mọi giá trị như bị đảo lộn. Cuộc sống nề nếp lấy tình nghĩa làm trọng trở nên chông chênh. Khoảng cách giàu nghèo ngày càng gay gắt. Lối sống thực dụng thống trị mọi nẻo hồn người. Nhà thơ chóng mặt với những quay quắt và không thích ứng được:

*"Đất trời còn kẻ bán mua
Tôi về chuộc ánh trăng xưa làm quà".*

*(Bán và Mua - Nguyễn Hoài Nhơn
Văn Nghệ Đồng Nai số 20/04)*

Hiện tại tấp nập, hiện tại công nghiệp hoá, tương lai rực rỡ, được ghi nhận trong những bài thơ: *Tình Thơ Trên Công Trường* (Nhật Tú), *Hội Xuân* (Nguyễn Thị Lệ Thủy), *Giữa Màu Xanh* (Thân Nghệ Thuật), *Tham Quan Bè Cá La*

Ngà (Nguyễn Thanh Tâm), *Xuân Lộc vào Xuân* (Hoàng Vĩnh Phú), *Nhịp Nhàng* (Kiều Văn Phấn), *Những Ánh Đèn* (Hoàng Đình Nguyễn), *Trầy Hội Chiến Khu D* (Lê Liên), *Hạt Cát Yêu Thương* (Tiêu Thanh Giang), *Đi Giữa Mùa Xuân* (Xuân Bào)... nhưng không phải là không có những vị đẳng, không có những nổi ngậm ngùi. Đàm Chu Văn vắt ra giọt đắng đời nữ công nhân trong bài *Đồng Phục Màu Hoa Lục Bình* (Văn Nghệ Đồng Nai số 22/05), Đỗ Minh Dương nhận ra gương mặt nhân gian lem luốc: “*Mặt nhà giàu toàn thứ đất tiền/Mặt nhà nghèo toàn đồ rẻ mạt*” (Gương Mặt rác - Văn Nghệ Đồng Nai số 39/07) Phương Hà nhận ra thủ phạm của mọi cái tăm tối ẩn trong trái tim mình (*Thủ Phạm*).

Thực ra cảm hứng thế sự của nhà thơ mở rất rộng. Đinh Quang Dừa suy tưởng về Hai Bà Trưng, về Ải Nam Quan. Vũ Đức Hậu ngỡ ngác trước chuyện tình My Châu ở Cỗ Loa (*Về Cỗ Loa*). Nguyễn Hiếu nhớ Tố Hữu về Đồng Nai, Xuân Bào tác một tượng đài về Huỳnh Văn Nghệ (*Nhớ Về Anh*). Cao Xuân Sơn chia sẻ với Nguyễn Bính bằng một bài lục bát sóng sánh chất Nguyễn Bính (*Đọc Lại Nguyễn Bính*). Lương Định uống rượu với bạn ngày tết (*Tết Sớm*). Thạch Hà lại cảm thương Dã Quỳ, Ngọc Khánh *Đọc Thơ Cụ Đỗ Chiểu*. Nguyễn Hoài Nhơn gọi mãi chuyên đồ đời mình, chuyên đó đã lỡ. Tiếng gọi dò âm vọng trong tim (*Đò Oai*). Với Bùi Ngọc Phúc, con đường đầy bụi đỏ cũng thành thơ (*Con Đường Bụi*), cái cầu thang chật cũng thành tình yêu (*Cái cầu Thang*). Nhật Tú viết thơ tình *Trên Bãi Biển*. Đỗ Minh Dương khám phá ra nhiều cái hay của những điệu Lý (*Ở Miền Quê Lý*). Tiêu Thanh Giang ướp hương bưởi trong bài thơ tình yêu (*Hương Bưởi*). Phương Hà “*cứ đau đầu khi trời se se gió*” về một mùa thu Hà Nội. Đặng Minh Hân mừng con

vào Đảng và khuyên con “*hãy vững vàng trận tuyến giữ đất này mãi mãi bình yên*” (Con Tôi vào Đảng). Phan Quang Hợp uống rượu với xoài xanh và ca vọng cổ, “*Câu vọng cổ mêm lòng rưng rưng nước mắt*” (Đêm tài tử). Vũ Xuân Hương thả hồn lãng mạn với người con gái Ch’ro mang gùi “*Suôi chiều một mảnh trăng rơi/ bóng ai gùi nước cho tôi hát thêm*” (Lời Ru tặng Những Cái Gùi). Kiều Văn Phầm ngắm Trăng Tròn Trong Cõi Phật. Trần Ngọc Tuấn Vẽ Núi mà “*lạnh mười ngón tay*”, rồi tự Hỏi “*hay tôi đã hoá ai rồi?*” ...

Thơ về Bác Hồ không có mấy bài thành công. Bởi vì viết về Bác rất khó. Hồng Phương ngợi ca *Bác Là Ông Tiên* (Mênh Mông, Nxb. Thanh Niên, 2007) Đỗ Minh Dương *Về Thăm Quê Bác* và *Kể Chuyện Bác Hồ* có đôi nét mới hơn. (Với Miền Đất đỏ, Nxb. Hội Nhà Văn, 2007, tr. 20). *Về Thăm Nhà Bác* của Lê Thanh Xuân là có chất thơ hơn cả...

Có một điều hơi bất thường là, tôi không tìm thấy bài thơ tình yêu nào hay cả. Không phải nhà thơ Đồng Nai không làm thơ tình yêu. Đỗ Minh Dương có *Đôi Thoại Tình*. Thạch Hà có *Biển*, Ngọc Khánh có *Hẹn*, Trần Thị Hương Lan hoài niệm một tình yêu “*anh đi quên trở lại*” (Giao Mùa). Nguyễn Đức Phước có *Nửa Yêu* “*vời với những lời gió trắng*”. Thân Nghệ Thuật *Trở Lại Làng Xưa* để nhớ một kỷ niệm “*hoàng hôn xưa đó chúng mình yêu nhau*” ..., nhưng những bài thơ tình yêu ấy không vượt qua được thơ tình trước đó, và đọng lại ít nhiều ngậm ngùi. Nỗi ngậm ngùi trong thơ tình của Đàm Chu Văn thì rất thật. Bài *Tìm* đọng lại nhiều nỗi ngậm ngùi (Văn Nghệ Đồng Nai, số 8/02)

Vâng, có lẽ nhà thơ Đồng Nai đa số đã quá tuổi yêu, dù Trần Ngọc Tuấn có *Tụng Ca Cho Tình Đầu*, dù Đa Tình như

Nguyễn Đức Phước thì tình chi “*còn lại mở bông bong/ đem về rao bán giữa dòng sông đêm*”. Mảng thơ tình hãy còn bỏ ngỏ chờ các nhà thơ trẻ. Nhà thơ Đồng Nai giờ chỉ thù tạc với bạn, vui với hoa: Dã quỳ, sen, hoa tầm xuân, phượng tím, cúc mâm xôi, hoa ngọc lan, hoa đại bên đình, hoa bất tử. Ẩn trong sắc màu và hương ngát ấy, thấp thoáng bóng dáng đoá hoa hạnh phúc:

*“Thôi bây giờ mày cũng đã bình yên
Con chim lạ tắt bên trời tiếng hót
Rượu chiều nay chỉ một mình tao rót
Uống một mình say đến chết thì thôi”.*

(Độc Âm - Ngọc Thuỳ Giang
- *Giới hương hồn Nguyễn Đức Thọ.*

Tập thơ Chia Nửa Cho Ai, Nxb. Hội Nhà Văn 2009)

*Đoá hoa hạnh phúc dâng hương
Trái tim vô ngã sáng đường chân như*

(Đường Sáng - Tập thơ Suối Reo -
Trần Ngọc Tuấn, Nxb. Hội Nhà Văn, 2006)

4. Trong 30 năm qua thơ Đồng Nai đã có những vận động nghệ thuật thế nào?

Trong cả nước đã có khá nhiều nỗ lực cách tân thơ, không ít nhà thơ đã thử nghiệm nhiều hướng mới, thơ Siêu Thực, Hiện Thực Huyền Ảo, thơ Tân Hình Thức, và cả thơ Hậu Hiện Đại. Theo tôi thì tất cả còn đang là thể nghiệm, Những thành tựu nếu có, còn khiêm tốn, chưa đủ tạo ra một thời đại mới của thơ ca Việt Nam. Cũng có những bút phá ngoạn mục ở những nhà thơ trẻ, nhưng những thử nghiệm ấy chưa tràn tới thơ Đồng Nai.

Nhà thơ Đồng Nai hầu như vẫn sáng tác theo quán tính của thi pháp cũ, thi pháp Hiện Thực Xã Hội Chủ Nghĩa. Nhân vật chính là công, nông binh. Tiếng nói nhà thơ là tiếng nói công dân, nói về cái chung không bản sắc. Thơ kể người kể việc, có cả chuyện con cà con kê, gọi nhau ới ới. Cảm hứng chính là cảm hứng lãng mạn, chỉ nói cái đẹp, cái ước mơ, cái không thật mặc dù nhà thơ biết rằng mình nói dối. Khuynh hướng thơ là khuynh hướng tụng ca, ca ngợi cả những điều mà cuộc sống đã vượt qua (thí dụ ca ngợi hợp tác hoá). Nhiều người còn chịu ảnh hưởng nặng nề của người đi trước. *Đi Giữa Mùa Xuân* (Xuân Bảo), *Bài Ca Người Thợ Lò* (Tiêu Thanh Giang), *Tình Thơ Trên Nông Trường* (Nhật Tú), *Ôi Đẹp Trăng Rằm* (Nguyễn Thị Hồng Phương)... là những bài còn nguyên thi pháp cũ. *Hôm Nay và Ngày Mai* (Hoàng Vĩnh Phú) chưa thoát khỏi thi pháp thơ Tố Hữu. *Giữa Màu Xanh* (Thân Nghệ Thuật) là bài thơ chỉ có chữ, không có hồn. Nhiều bài thơ câu chữ lấp lánh, nhạc điệu hân hoan, cuộc sống hiện lên đẹp tuyệt vời, nhưng đọc cứ trôi đi. Thương cho nhà thơ không sao níu được con chữ. Con chữ đã mòn vẹt ý nghĩa và trơn tuột, như khi ta rờ trên một thân ma trôi trên sông. Con chữ đã khô như đất nẻ mùa nắng hạn và ái ngại nhìn nhà thơ, không muốn hiện mình trên giấy. Người đọc thì thất vọng.

Tôi không có ý nói làm thơ theo thi pháp cũ thì không hay. *Nằm Vong Giữa Chiến Khu* (Đỗ Minh Dương), *Viếng Đồng Hương* (Thạch Hà), *Mẹ* (Vũ Đức Hậu), *Lời Ru Tặng Những Cái Gùi* (Vũ Xuân Hương), *Tìm Câu Hát Ấy Trong Lời Mẹ Ru* (Hoàng Đình Nguyễn), *Đò Ơi* (Nguyễn Hoài Nhơn), *Đọc lại Nguyễn Bính* (Cao Xuân Sơn), *Gửi Đồng Nai* (Đào Trọng Thừ), *Tìm* (Đàm Chu Văn)... là những bài thơ hay mặc dù

được viết bằng thi pháp cũ. Thơ hay là do tư chất nghệ sĩ tài hoa của nhà thơ. Ở kiểu thi pháp này, Đồng Nai đã có những nhà thơ sáng giá như Đàm Chu Văn (Giải thưởng Tạp chí Văn Nghệ Quân Đội, 1996, 2004), Nguyễn Hoài Nhơn (Giải khuyến khích thơ lục bát báo Văn nghệ Trẻ, Hội Nhà Văn, 1993), Đỗ Minh Dương (Giải C cuộc thi thơ tuần báo Văn Nghệ Hội Nhà Văn, 75-76), Vũ Xuân Hương (Giải ba thơ Tạp chí Văn Nghệ Quân Đội, 1998-2000), Vũ Đức Hậu, Đào Trọng Thử, Hải Ba... Không có tư chất nghệ sĩ, nhà thơ chỉ có thể làm được những bài văn xuôi bắt thành vần, không hồn không vía.

Tuy nhiên Thơ Việt Nam không thể không cách tân. Nhà thơ nào của Đồng Nai có những nỗ lực cách tân?

Trước hết là Trần Ngọc Tuấn, một nhà thơ tài hoa. Từ thơ truyền thống, anh chuyển hẳn sang thơ Thiên. Anh có nhiều tập thơ. Tập *Suối Reo* là một thành công bước đầu. Tôi đã có bài viết riêng về tập thơ này (xem: *Một Mình Ra Khơi*, Văn Nghệ Trẻ, 28/01/2007). Trần Ngọc Tuấn phối hợp Lục bát với Tứ tuyệt, thể hiện những chiêm nghiệm Thiên bằng những hình tượng mới mẻ. Anh dẫn thân vào con đường thơ tư tưởng khá cam go. Anh đang chờ qua sông (*Đáo bỉ ngạn* - chữ của nhà Phật):

*"Lục bình nở tím dòng thơ
Đò ngang một chuyến ai chờ qua sông".*

(*Qua Sông- trong tập Suối Reo,*
Nxb Hội Nhà Văn, 2006)

Trần Ngọc Tuấn không cách tân, anh đang tiếp bước dòng thơ Thiên đã có trong thơ ca truyền thống, nói là cách

tân là so với thơ Hiện Thực Xã Hội Chủ Nghĩa. Tuy vậy, so với thơ Thiên truyền thống, thơ anh cũng rất mới. Ngoài ra Anh viết tùy bút về các nhà thơ rất tài hoa. Anh hiểu và đồng cảm sâu sắc với họ, anh nói được những tinh túy của hồn thơ mà ít nhà phê bình có thể viết được.

Nguyễn Đức Phước (Giải chính thức cuộc thi thơ về Bác Hồ, Hội Nhà Văn và báo Việt Nam Trẻ 2005) cũng có những nét mới, khác hẳn với thơ truyền thống ở một số bài trong tập *Đêm Khát*.⁴

Thử đọc: HỢP XƯƠNG ĐÊM

Thơ tình

Rơi xuống đất

Nỗi đau quăng vào sọt rác

Thiếu nữ trong bài thơ

Cùng gã đàn ông

Khúc khích

Khúc khích

Chuột reo trong sọt rác

Đêm...

(*Đêm Khát*, Nxb. Hội Nhà Văn, 2008, Tr.8)

Với những bài thơ như *Đêm Hợp Xương* thì cách đọc truyền thống sẽ bất lực. Ngôn ngữ và tư duy thơ thách thức những cách hiểu dễ dãi. Nó níu lấy người đọc và buộc người đọc phải giải mã cho được những ngữ nghĩa rất lạ.

Lê Thanh Xuân (Giải C tuần báo Văn Nghệ, Hội Nhà Văn, 2001), tuy rất âm thầm, nhưng thơ anh có những

⁴ xem: Bùi Công Thuấn, *Trái Tim Biệt Kíloc*, Văn Nghệ Trẻ, 10/8/08.

bước cách tân mạnh mẽ. Ngôn ngữ thơ anh mới lạ đến không ngờ, nhất là mới lạ trong kiểu tư duy thơ khác hẳn thơ truyền thống. Nếu chỉ đọc lướt qua, người đọc có thể không nhận ra sự cách tân của thơ anh. Và tôi thực sự ngỡ ngàng khi đọc nhiều lần chùm thơ anh đăng trên tạp chí thơ số 01/2009. Thơ anh có bề sâu của sóng ngầm mạnh mẽ với những quặn thắt dữ dội khôn nguôi. Thơ anh lại có bề rộng thênh thang của sa mạc hoang vu quạnh quẽ không có dấu tích con người. Thơ anh đưa ta về miền tâm tưởng ngỡ như siêu thực mà rất thực. Thơ anh chất chứa bao điều không nói thành lời, vì ngôn ngữ không chuyên chở được vô lượng nỗi đau trong thăm sâu thân phận con người. Thơ anh thiên về tư tưởng, nhưng không chìm khuất trong màu xám hư vô, mà vẫn nồng nàn với cây đời rất xanh. Thơ anh có nỗi buồn trong cái vui, có vị mặn đắng trong cái ngọt. Đọc thơ anh, trái tim người đọc không thể không bị thôi thúc bởi câu chữ, và bởi cả những gì không thành lời.

Ô CỬA SỔ

*"Ô cửa sổ màu sơn đã nhạt
Chút nắng chiều lặng lẽ ra đi
Một gương mặt buồn như bình hoa đã vãn
Một không gian chờ đợi điều gì?
Đã như thế nhiều ngày, nhiều tháng
Dòng sông qua và gió đi qua..."*

*Ô cửa sổ màu sơn đã nhạt
Một bình hoa, không có bóng hoa
Tôi chờ đợi. Có thể em chờ đợi
Hai trái tim không cất nên lời*

*Vườn lá rụng cành đã ra lớp mới
Bãi ngoài sông thêm mấy sa bồi...*

*Ô cửa sổ màu sơn đã nhạt
Tôi trở về tìm lại chính tôi
Nỗi buồn cũ, nhưng bình hoa đã khác
Có rất nhiều màu sắc hoa tươi
Hoa đang nói về một người mới mẻ
Còn một người quen cũ là em*

*Ô cửa sổ màu sơn đã nhạt
Đứng nhìn tôi như một kẻ không quen".*

Bạn cứ đọc thật chậm, lắng tâm hồn vào cõi xa xăm. Không cần tra hỏi ngữ nghĩa làm gì, nhưng cứ để cho hình ảnh thơ lan toả, cho những âm thanh rất trầm nở bung ra và cho những điệp khúc cứ trăn trở dày vò, đến khi trái tim bạn bị nung đỏ lên. Lúc ấy tâm hồn bạn sẽ vỡ òa ánh sáng nỗi niềm không tên không tuổi vọng mãi vào hư không.

Nghĩ về thơ Đồng Nai, tôi lại băn khoăn. Nhà thơ trẻ Đồng Nai ít quá, và họ nghĩ rất khác. Khương Hà sinh trưởng ở Đồng Nai, từng có bài đăng trên văn nghệ Đồng Nai. Xin đọc *Lựa Chọn* (Văn Nghệ Đồng Nai số 8/02):

*"Nếu phải chọn giữa hai con đường
Em sẽ đi ngược lại
Bởi hai con đường có thể dẫn đến đau thương".*

Trong thực tế, Khương Hà đã lựa chọn con đường thơ của mình khi trở thành một "Ngựa Trời", làm ngựa hoang nghệ thuật. Đó là con đường "đi ngược lại", tránh né đau thương. Nhà thơ im lặng và vô tri trước thực tại có nghĩa

gì đâu... Thế hệ nhà thơ đi trước xin bình tâm và chờ đợi.
Biết đâu...

Đồng Nai là một vùng đất hiền hoà, thơ Đồng Nai cũng
đằm thắm như đất và người Đồng Nai. Đồng Nai cũng đã
góp những khuôn mặt thơ rạng rỡ vào thơ ca chung cả
nước. Chúng ta có quyền tự hào và hy vọng.

Đồng Nai 9/2009

NỖI BUỒN, BIẾT GỬI VÀO ĐÂU?

(Đọc thơ Lê Thanh Xuân⁵)

I. LÊ THANH XUÂN LÀ NHÀ THƠ CỦA NỖI BUỒN

Có một nỗi buồn mênh mang, nỗi buồn thăm sâu trong thơ anh, nỗi buồn ẩn mật không thốt thành lời (*Trở Về, Thời Khắc, Đi Bộ Trên cao Nguyên, Hà Đông, Con Đò Qua Sông Đà, Gặp Bạn, Bóng Cỏ, Thăm Lặng, Cát*).

*"Nỗi buồn / Biết gửi vào đâu?
Nhờ trăng cất hộ / Cỏ lau giữ gìn
Sợ trăng nhòa nhạt dấu nguồn
Sợ lau úa lá / sợ buồn côi hoang".*

(*Không đề II*)

Không phải là vu vơ buồn của thơ lãng mạn, cũng không là nỗi buồn về những mất mát hy sinh, mà là nỗi buồn không gọi rõ tên. "*Thấp thoáng gian nan đời ghênh thác, nổi nênh. Một trời cô độc, bơ vơ. Triền miên đêm thao thức tự*

⁵ Bài viết này trích thơ Lê Thanh Xuân trong các tập: *Tiếng Ru Đêm*, Nxb Văn Học, 2001; *Đồng Hành*, Nxb. Hội Nhà Văn, 2001; *Hồn Đá*, Nxb. Hội Nhà Văn, 2007.

*- Bài này đã đăng trên tạp chí *Thơ*.

tình và nước mắt. Mùi khơi mùa đông hóa đá" (Thơ Tặng Minh),
"Nghìn xưa vẫn ở một nơi / Ta thì ta với cuộc đời lênh đênh/ công
danh mắc cạn đâu ghềnh" (Nỗi Buồn Đông đưa), Sống là sống
trong chiêm bao: "Giật mình lật nửa mảnh khuya/ Mới hay
mình mới đi về chiêm bao" (Nửa Đêm). Lê Thanh Xuân không
còn biết mình là người hay là ma (Bóng). Như con cò trong
đêm bất an vì bầy rập (Bầy, Tiếng Cò Đêm): "Con tôm con
tép/ Nào dễ đâu cò?/ Bầy đời giăng mắc/ Mảnh trăng đục mờ/
Tiếng cò se sắt/ Trong tôi..." Bài thơ Không Để là cảm nghiệm
chất chứa tâm trạng của nhà thơ vào lúc tuổi đã cuối chiều:
"Cuối chiều sót tiếng chim ri / Nhặt lên mà nhớ thuở đi xa nhà".

Lê Thanh Xuân có những tứ thơ diễn tả nỗi buồn thật
thâm thía:

"Tôi một đời của số kiếp lang thang

Con nai dẫn lối

Hoà Bình năm ba mươi một tuổi

Đồng Nai tuổi ngót năm mươi

Lau trong đời vẫn trắng

Gió trong đời vẫn thổi

Núi trong đời vẫn mọc

Giấc ngủ đêm bật khóc sông Đà".

(Nhớ Về Nơi Mình Ra Đi)

"Độc hành một khúc ngân nga

Dòng sông bỗng thấy mình vơ vẩn buồn".

(Khúc Sông Chiều)

"Thế cũng đủ rồi cho một kiếp mùa đông

Lạnh đến trống vắng, cô đơn đến kiệt cùng".

(Phân Giải)

*"Đêm mơ một giọt trăng soi
Ngày mơ chút nắng bầu trời đánh rơi".*

(Tiếng Chim Gù)

Tuổi già là thực tại ám ảnh buồn. Già đồng nghĩa với muộn màng, đồng nghĩa với mùa đông, đồng nghĩa với nuối tiếc không sao trở lại được thời vạm vỡ: *"Một gã đàn ông tóc bạc thân thờ/ Bước dưới vì sao như mơ như thực/ Khẽ gọi tên mình trong tiếng bơ vơ"* (Trở Về).

*"Ta đến. Đò đã sang sông
Chiều kia đang khuất phía đông xa xa
Ta đến. Núi đã về già
Đá gong trở chút nụ hoa nghĩa gì
Ta đến. Phố đã vào khuya
Sợ tay gõ cửa. Người nghe giật mình
Ta đến. Ta thành vô tình
Muộn màng đã xóa tên mình - thế gian
Đành làm con nhện đa mang
Chăng tơ mà nhớ nắng vàng lơ lửng xưa".*

(Muộn)

Và dù viết về đề tài nào, hồn thơ anh vẫn là những suy tư về hiện sinh. Hồn thơ ấy đắm thắm những tình cảm thiết tha và nhân hậu, không ta thán. Anh *"cười trong tiếng nấc xa xôi"*. Anh để hồn tan vào mây vào gió: *"Nhưng ngọn gió đã bứt khỏi cuộc đời/ Niềm xanh tươi hy vọng/ Trái đất thành cô đơn/ Anh thành kẻ lang thang hành khất"* (Hà Đông). Gió cũng không bình yên: *"Đời như gió khôn lường/ Chọn sống mà gửi chết"* (Phố Núi). *"Ta lạc ta mòn đêm"*. Nhưng anh không lạc mất vào hư vô, không vong thân trong ảo ảnh, không đắm

chìm trong tuyệt vọng. Anh vẫn còn niềm tin, vẫn còn côi đi về của hồn mình, vẫn còn tổ chim cọng rơm vàng làm bến đợi. Và đôi khi cũng sáng lên một thái độ quyết liệt, như cát trắng tinh khôi:

*"Hãy yêu đi, màu trắng - Một màu thôi!
Hãy sống đi, cát không ưa lẫn lộn
Sự tinh khiết không thể chôn vùi
Sự phơi bày không hề che giấu
Mưa không ngập ngừng, nắng không do dự
Biển ngoài kia xanh đến thăm sâu
Cát nơi đây vẫn trắng một màu
Sự thử thách như trò chơi đuổi bắt
Thôi, cứ để chất mặn sa huỳnh trong mắt
Để cát vàng đọng lại thịt da
Ta thử sống cuộc đời của cát
Giữa nhân tình thế thái bao la".*

(Cát)

Có thể nhận ra nỗi buồn trong thơ Lê Thanh Xuân là nỗi buồn hiện sinh, song thơ anh rất ít nói về hiện thực. Lê Thanh Xuân không nói gì về thực tại anh đang sống. Hồn thơ anh ở nơi đầu nguồn cuối bãi, treo trên mảnh trăng mờ sương, phiêu lưu cùng ngọn gió, lạc loài trên cánh đồng ký ức. Nhà thơ đi nhiều về miền thảo nguyên núi non, khuất nẻo thị thành, nhưng lại không siêu thoát. Từ chối tìm kiếm giàu sang nhưng lại phủ định Phật (Ngẫu Híng). Chỉ có niềm thương thân: "Chỉ ta với ta - Đường cũ/ Chiều thu tóc trắng, sương nhòa" (Thời Khắc).

2. HIỆN THỰC TRONG THƠ LÊ THANH XUÂN

Đôi khi anh có ghi đôi nét nào đấy của hiện thực, nhưng chỉ là sự chia sẻ vô tình. Lụt ở Đồng Tháp (Một Thoáng Tháp Mười), mất mùa (Mưa Chiều), làng nghèo (Làng Tôi), Ý Tưởng Về Biên Hòa . Nỗi cô đơn của người phụ nữ trong buổi chiều “đang tắt dần vào mất còn im lặng” (Hoàng Hôn). Chuyện người đàn ông đàn bà không tên: “Họ ngồi nhớ xa/ họ ngồi buồn gần/ Họ lặng im trước những tấm bằng liệt sĩ/ Họ lặng im trước những mất còn...” (Trong Ngôi Nhà). Anh giảng giải về đá vọng phu, hoặc ra sông nhớ một người bạn đã cách trở âm dương. Gần như anh thờ ơ trước thực tại. Điều này là một ẩn mật trong thơ anh. Anh tự coi mình là đá vô tri: “Ta là đá. Đá là ta?.../ Vô tri đá khép lâu dài” (Hồn Đá). Đôi khi hồn thơ anh cũng rạng rỡ khi sắc. Trên Cánh Đồng Mường Thanh là sự trở về muôn màng:

“Vẫn còn đây lịch sử không quên
Đôi A1, Himlani, bản Kéo
Lật gốc lúa còn in bao dấu
Những đường hầm ngoắt ngoéo dọc ngang
Sắt gỉ của xe tăng, chông chơ vỏ đạn
Bơ hộp, tư trang của kẻ bại hàng
Vết quả quyết quân đoàn bão lốc
Còn in dốc cao, lòng núi, cánh rừng
Những dấu vết khiến quân thù tan mộng
Tám mươi năm trời nuôi chí xâm lăng
Tôi đến đây một kẻ muôn màng”.

(Trên cánh Đồng Mường Thanh)

3. THƠ TÌNH LÊ THANH XUÂN

Trong tập *Hồn Đá* có khá nhiều bài thơ tình: *Những Điều Đi Qua*, *Những Mảnh Vỡ Mùa Thu*, *Một Năm 12 Tháng*, *Những Ngọn Cỏ Bên Bờ Sông Đà*, *Không Để Ngã Ba Mãn Đức*, *Nhớ Hà Nội Thu*, *Phân Giải*, *Bến Đò*, *Nhớ Xa*, *Bài Thơ Không Tên*. Đó là những lời tâm sự với người yêu, những lời tự tình với em, một nhân vật của kỷ niệm, một nhân vật không rõ dáng hình, một gặp gỡ tình cờ nào đó, một cuộc tình chưa thành tên. Thực ra, Lê Thanh Xuân chỉ mượn hình thức thơ tình để nói những khát vọng tình yêu, khát vọng sống và những nuôi tiếc khôn nguôi:

"Bên ấy có một lần anh và em:

Nửa mảnh trăng đầu tháng, nửa mảnh trăng cuối tháng

Con đò sang sông trăng vẫn chưa tròn

Đầu bên này anh chờ. Đầu bên kia em đợi

Lau đêm xạc xào cửa cất sườn non...

Đêm ấy lặng lẽ sông đi về biển

Sông cắt đôi ta hai phía bãi bờ

Con đò mệt mỏi ngủ mơ bên sóng

Chúng mình ngược nhau cho tới bây giờ".

(*Bến Đò*)

"Tất cả rơi. Tất cả tan...

Những mảnh vỡ của tình yêu tôi nào biết có còn

Chỉ biết tôi sống mòn sống mỏi

Tìm trước mặt trời, tìm trong đêm tôi...

Như có tiếng thủy tinh vỡ đau xác vụn

Của một mối tình đâu đó lạnh tanh".

(*Những Mảnh Vỡ Mùa Thu*)

*“Anh vẫn biết những điều đi qua rồi sẽ mất
Lá vàng rơi chẳng thể trở lại cành
Sợi tóc bạc làm sao xanh nữa
Dòng nước xuôi đâu ngược lại được ngọn ngành”*

(Những Điều Đi Qua)

Trữ nặng trong thơ anh là tình quê: *“Tôi mang miền quê lang thang khắp xứ/ Để một ngày trở lại làng xưa”*. Quê hương, đồng quê, tuổi thơ vẫn đi về trong thơ anh, làm nền cho mọi suy nghĩ về thực tại. Quê hương nghèo nhưng đẹp và ấm áp nghĩa tình (*Quê Hương, Một Năm 12 Tháng, Lửa Khói, Kỷ Niệm Mùa Thu, Tiếng Ếch, Ban Mai Ngoại Thành, Những Đàn Chim Di Cư, Tiếng Chim Gù*). Anh khai thác triệt để chất liệu đồng quê để thể hiện tình quê. Anh hoá thân thành *“cọng rơm vàng”*, thành *“ao nước phèn, con kênh đọng váng”*. Anh sống trong tiếng gió, *“tiếng ếch um um, tiếng cuốc nhói đêm, tiếng cò se sắt”*. Anh đắm mình trong hương cau thơm khắp miền quê, hương hoa ngâu thơm khắp vườn nhà, hoa xoan tím ướm sững trong mưa, *“hoa lau trắng tinh bay qua năm tháng”* và hoa bắp lay phơ phất trên đồng. Chỉ có tình quê mới làm ấm áp hồn anh, chỉ có đất quê, sông quê, nhà quê mới là nơi anh trở về và tìm thấy sự bình an. Ngoài quê hương, anh chỉ là kẻ lang thang phiêu bạt không bám rễ vào được bất cứ nơi chốn nào. Anh lạc mất mình trong thành phố: *“Ấy cũng là lúc mặt trời đưa tôi vào khuất lấp/ Trong âm thanh ồn ào, trong nẻo phố xa xôi”* (*Đêm Thành Phố*). Chỉ có quê hương chân thật, nhân hậu mới làm anh trẻ lại, mới gieo vào anh sức sống vững bền (*Quê Hương*). Cả nơi *“nghĩa địa làng”* anh cũng nhìn thấy con người làng quê sống chết có nghĩa có tình:

“Cánh đồng đổ bóng nông dân
Lúa đây, cơm của mỗi lần mình ăn
Rau đây, mình ngọt miếng canh
Hoa đây, mình đẹp thị thành sắc hương...
Rạ rơm ở lại vẫn vương
Tiếng chim ở lại bóng vườn xanh tươi...
Mơ gặp ruộng, ước gặp sông
Lưng trần, chân đất đứng trông phố phường”

(Ban Mai Ngoại Thành)

“Vầng trăng của làng mọc lên từ đất
Mưa của làng, mưa rơi ngang mặt
Nắng của làng, nắng từ phía đôi chân
Tháng ba rỗng tuếch chum sành
Mẹ tôi đi chợ loanh quanh lại về .
Vậy rồi đình vẫn hội hè...
Vẫn xoan tim tím, bờ tre tiếng cò
Tôi đi khắp xa gần xứ sở
Nơi đâu cũng làng đây ấp giấc mơ
Nhưng chỉ có một làng trong tôi tháng ngày mong nhớ
Như con thuyền xa vẫn nhớ bến nhớ bờ”.

(Làng Tôi)

“Ngọn lửa quê ấm mãi trong lòng
Tôi soi xuống sông quê
Tìm nụ cười thuở nhỏ”.

(Một Khúc Sông Quê)

· “Xin kiếp sau cho ta làm ngọn gió
· Dù đi đâu vẫn về bên quê nhà”.

Làng quê luôn gần người thân. Anh có những bài thơ rất cảm động với bà (*Cây Cau*), với mẹ (*Hoa Ngâu, Tường Nhớ*), với cha (*Cha Tôi*), với vợ, con (*Em, Bài Thơ Viết Cho Con*), với bạn (*Gửi Người Bạn Gái Một Thời, Tiếng Gió*), với quê hương nghèo (*Gửi Quê Hương, Ngoài Kia Có Một Con Đường*). Những bài viết về quê hương bằng lục bát của anh có khí chất tài hoa (*Cây cau, Nghĩa Địa Làng*).

Anh cũng gửi tình cảm sâu nặng về thiên nhiên, con sông, ngọn núi, con dốc, phố xá nơi anh đã đi qua. Lê Thanh Xuân không miêu tả mà suy tư về nơi ấy, từ đó tìm ra ngọn nguồn tình yêu thiên nhiên, đất nước trong lòng mình (*Dốc Cùn, Mai Châu, Chu Giang, Mường Thàng, Trên Cánh Đồng Mường Thanh, Núi Tiên, Suối Lô Ổ, Tháp Chàm, Trong Hang Cổ, Cù Lao Phố, Đồng Nai, Biên Hòa, Đêm Ngủ Lại Nguồn Đồng Nai, Bên Núi Đá Ba Chông, Sông Đồng Nai, Một Thoáng Tháp Mười, Cà Mau,...*):

*Chậm rãi, chiều đã xuống non
Thôi, đành ngủ lại với nguồn Đồng Nai...
Thủ chung trong vắt dây rồi!
Mai về tôi vẫn gặp tôi với nguồn"*

4. MỘT KHUÔN MẶT RẤT QUEN MÀ RẤT LẠ

Đọc thơ Lê Thanh Xuân, người đọc gặp một gương mặt rất quen mà rất lạ. Khuôn mặt ấy bị hút vào nỗi buồn xa thẳm không thoát ra được, khuôn mặt ấy trĩu nặng tình quê hằn lên những khát vọng mệnh mang. Khuôn mặt luôn tìm kiếm một bến bãi bình yên nào đó để niềm tin còn có chỗ neo đậu, một nơi thật tinh khôi như cát trắng, một nơi thật nghĩa tình như làng quê, một nơi thật ngọt ngào như tuổi

thơ, một nơi mà sự sống này không nhai nuốt sự sống kia, một nơi mà cánh chim hải âu không còn bị giập vùi trong gió bão. Không có nơi ấy trong cõi đời này. Lê Thanh Xuân chờ đợi như một kẻ xa lạ:

*"Ô cửa sổ màu sơn đã nhạt
Chút nắng chiều lặng lẽ ra đi
Một gương mặt buồn như bình hoa đã vãn
Một không gian chờ đợi điều gì?
Đã như thế nhiều ngày nhiều tháng
Dòng sông qua và gió đi qua..."*

(*Ô Cửa Sổ*)

Ô Cửa Sổ là một bài thơ lạ của Lê Thanh Xuân. Anh từ truyền thống nhập ngay được vào dòng chảy thơ đương đại, với kiểu tư duy nghệ thuật khác. Người đọc tưởng rằng, một nhà thơ tuổi đã xế chiều, như chiếc lá cuối mùa thu, đã run rẩy lạnh buốt trước mùa đông, đã hóa đá vô tri trước thực tại, đã đắm say trong thi pháp thơ truyền thống, thì Lê Thanh Xuân khó có thể làm mới ngòi bút của mình, vậy mà Lê Thanh Xuân đã có những bài thơ rất lạ so với chính anh. *Ô Cửa Sổ* là một ví dụ

Xin đọc thêm *Tiếng Ru Đêm*:

*"Tiếng ru của người mẹ chắt ra từ lồng ngực
Làm ấm lên một chút đêm hoang
Con không khóc lời ru vẫn thõng thiết
Hình như người mẹ đang ru chính chính?
Trong vòng tay giấc ngủ ngọt như mật ong
Nhưng đứa trẻ lại mơ về dòng sữa
Còn người mẹ mơ về giấc ngủ*

*Xuyên qua vì sao tới tận mặt trời...
Nhưng mát đêm chỉ dành cho một người
Còn một người phải thức
Người mẹ thức, sờ tay lên lồng ngực
Mặt lo âu, nhìn xuống con mình
Và tiếng ru cứ thế đi tới bình minh..."*

Thơ "truyền thống" (1945-1975) là thơ Hiện Thực Xã Hội Chủ Nghĩa. Nhân vật chính là công, nông, binh; nội dung phản ánh đời sống chiến đấu và xây dựng của nhân dân. Tâm tình nhà thơ là tâm tình công dân, kiểu bút pháp là kiểu tụng ca lãng mạn. *Tiếng Ru Đêm* không nằm trong kiểu thi pháp ấy. Ta không xác định được nhân vật người mẹ ru con ban đêm là ai. Không gian đêm là không cụ thể. Tác giả không miêu tả, hay tụng ca người đàn bà này, mà suy tư về nhân vật. Nhân vật trong đời thực: "*Người mẹ thức, sờ tay lên lồng ngực/ Mặt lo âu, nhìn xuống con mình*", thoát trở thành siêu thực: "*Người mẹ mơ về giấc ngủ/ Xuyên qua vì sao tới tận mặt trời...*". Nhà thơ nhìn người mẹ mà tra hỏi về hiện sinh: "*Con không khóc lời ru vẫn thống thiết/ Hình như người mẹ đang ru chính chính?* Hệ thống hình ảnh thơ là hình ảnh siêu thực: "*Tiếng ru chắt ra từ lồng ngực, làm ấm đêm hoang, tiếng ru thống thiết, Xuyên qua vì sao tới tận mặt trời, tiếng ru cứ thế đi tới bình minh...*". Ngôn ngữ không còn là phương tiện tái hiện thực tại, mà chuyển hóa thành thế giới của vô thức. Bài thơ không là chuyển động tự sự mà là dòng chảy của ý thức, nhà thơ đang nghiệm sinh một "hiện tượng" trước mắt mình (kiểu Hiện Tượng Luận). Đó là kiểu miêu tả "*dòng ý thức*" trong văn chương Hiện Sinh.

Những bài *Trên Thảo Nguyên, Sắc Đẹp, Hoa Lau, Tiếng Cò Đêm*, đều có những yếu tố mới lạ về thi pháp như *Tiếng Ru Đêm*. Đặc trưng thi pháp thơ Lê Thanh Xuân là thơ suy tư, (không phải kiểu thơ suy tưởng như thơ Chế Lan Viên). Lê Thanh Xuân đối diện với hiện thực, nhìn ngấm hiện thực mà suy tư. Hiện thực không phải là đối tượng miêu tả của Lê Thanh Xuân, mà chỉ là cái cớ để nhà thơ truy tìm ý nghĩa hiện sinh. (Tôi không có ý nói Lê Thanh Xuân là nhà thơ tư tưởng, nhà thơ Hiện Sinh) Nhìn Cù Lao Phố, anh không ghi lại cảnh sắc thực tại Cù Lao Phố, mà tra hỏi: *"Nào đâu, ta chợt ngỡ ngàng"* rồi vui mừng tìm ra điều kiếm tìm *"May mà còn một chút đây/ Bóng chùa hoang tịch, rêu thay ý lời"*. Anh nhìn hoa lau bằng con mắt *"mong manh, hoang tưởng"* Hoa lau là nỗi đau đời: *"nỗi đau hoang dại/ trắng một đời mơ siêu thoát/ Lau mọc âm thầm"*. Hình ảnh cô gái chăn bò rất lạ: *"Cô gái chăn bò tựa vào trời xanh khẽ hát / Đàn bò như đám mây vàng lang bạt/ Trôi hiền lành trong nhịp điệu cô đơn..."*. Hiện thực đã thăng hoa vào miền suy tư của nhà thơ. Những suy tư như thế không hề có dính dáng gì với hiện thực.

Thơ Lê Thanh Xuân đem đến cho người đọc sự thú vị của những suy tư rất thật, những tình cảm rất đôn hậu (không khuôn sáo), và bất chợt những tứ thơ mới lạ vút lên, trong một kiểu tư duy nghệ thuật khá mới của riêng anh (*Ô Cửa Sổ, Hoa Ngâu, Tưởng Nhớ, Tiếng Ru Đêm, Dốc Cùn, Trên Thảo Nguyên...*). Lắng đọng trong thơ anh là tình quê thấm thiết cùng với những nỗi niềm không nói thành lời. Lê Thanh Xuân là một hồn thơ tài hoa. Khi suy tư và tình cảm cùng cháy lên thì thơ anh tỏa sáng mới lạ đến ngỡ ngàng.

Tháng 10/2009

Trần Ngọc Tuấn, 'Người Thơ' Tài Hoa

(Độc tập thơ *Gửi Dòng Sông Đồng Nai*,
Nxb. Tổng Hợp Đồng Nai 2004)

Cái cảm thức sâu đậm nhất trong tôi khi đọc Trần Ngọc Tuấn là cảm thức về chất tài hoa của thơ anh. Anh không có những ám ảnh chiến tranh, cũng không trăn trở gì nhiều về thực tại, mặc dù anh viết nhiều về những đề tài thực tại. Nếu đọc thơ Trần Ngọc Tuấn chỉ để xem anh đã *phản ánh* thế nào về con người và Đất Nước Đồng Nai, thì chưa thể nhận ra khuôn mặt thơ Trần Ngọc Tuấn (dù rằng tên tập thơ là *Gửi Dòng Sông Đồng Nai*). Hoặc nếu bảo rằng anh *an nhiên* trước giông bão thời kinh tế thị trường, bảo rằng anh đã *nhập thế* hơn trước, tôi e rằng chúng ta đã đánh mất Trần Ngọc Tuấn 'một người thơ tài hoa'.

Tôi gọi Trần Ngọc Tuấn là *người thơ tài hoa* vì anh nhìn đâu cũng thấy hiện thực lấp lánh, anh soi góc nào hình ảnh hiện lên cũng đẹp, ngôn ngữ thơ của anh vừa dung dị, vừa khoáng đạt lại vừa sang trọng quý phái, thứ ngôn ngữ vượt lên trên thực tại rất xa. Cái tình thơ của anh không bó trong những vui buồn đời thường mà vươn tới những chiều kích cao rộng. Không gian nghệ thuật của anh là rung động của

những sợi tơ mềm óng trong thế giới tâm linh. Những rung động ấy ít người có thể nói thành lời, nhưng Trần Ngọc Tuấn lại nói rất hay.

Trở Lại Rừng Xưa tưởng nhớ Huỳnh Văn Nghệ là một bài thơ thể hiện được đúng chất *người thơ tài hoa* ấy của Trần Ngọc Tuấn:

*“Thác còn lừng lững suối còn xanh
Chim tự muôn phương tụ đất lành
Hoa cũng quên mình phơi phới sắc
Bướm cũng ân tình phút tái sinh*

*Cây lại xanh rừng sau nắng mưa
Văng trắng gác núi chiến khu xưa
Thi nhân ngang súng trên yên ngựa
Lốp lốp người đi... lốc xoáy màu”.*

Hiện hiện trước mắt người đọc là một cảnh rừng tuyệt vời: chim muông, hoa bướm, cỏ cây, trăng suối, khoe sắc, gọi tình. Trên nền của thiên nhiên diễm lệ ấy, hiện lên hình ảnh Huỳnh Văn Nghệ, con người thi nhân - chiến sĩ, lừng lững khí phách, “*quên mình*”, giàu “*ân tình*” ân nghĩa, con người của những “*lốc xoáy*” một thời ngang dọc, cùng với *lốp lốp* những người con anh hùng. Trần Ngọc Tuấn thăng hoa trong thế giới diễm lệ và hào hùng ấy. Tâm hồn anh dào dạt, phơi phới sắc hương, như hoa, như bướm, bạt ngàn như rừng xanh, menh mang như *trăng gác núi* và cuộn cuộn như *lốc xoáy lốp lốp người đi* năm xưa.

Viết về Nguyễn Đức Thọ, về Trịnh Công Sơn, ngòi bút Trần Ngọc Tuấn cũng tài hoa như thế. Anh tỏ ra hiểu sâu sắc nhân vật của mình, tâm hồn anh là đồng điệu, là tri kỷ

với nhân vật, và thơ anh vút lên những tứ thơ của chính tâm hồn và khí chất tài hoa của anh. Người đọc nhìn thấy hiển hiện những con người tài hoa, có tầm vóc cao rộng và vĩnh hằng ngay trong cõi trần gian này

*"... Đã từng ngang dọc Đông Nai
Tình văn nghĩa chữ hai vai gánh gồng
Hồn chưa phỉ chí tang bồng
Ngày đang rộn nắng, thời không vô kỳ
Trắng đêm vàng mắt dã quỳ
Giọt sương hạt lệ nhòe đi mặt người..."*

(Tiễn Anh Xin Có Đôi Lời - Nhớ Nguyễn Đức Thọ)

*"... Có người cuối nẻo Thiên Thai
Đợi người qua cõi trắng phai trở về
Đàn kêu tích tịch hồn quê
Trăm năm gửi khúc tình se duyên người
Đàn kêu tích tịch tình đời
Non cao biển rộng nghe lời nhớ quên..."*

(Ngày Anh Đi - Tưởng nhớ Trịnh Công Sơn)

Nói Trần Ngọc Tuấn là người thơ tài hoa, bởi vì người thơ ấy có nhiều tứ thơ rất đẹp. Ngôn ngữ ngời ngời như châu như ngọc, thêu gấm thêu hoa, dường như quen, dường như lạ, có khi đến lạ lùng.

(xin đọc những câu thơ sau đây trong tổng thể bài thơ mới thấy hết cái hay của tứ thơ và nét tài hoa của Trần Ngọc Tuấn)

Qua Bến Tân Triều, anh viết:

*"Lời xưa gió bạt sóng ngàn
Ờ kia cò trắng bàn hoàn tình sông..."*

Thức Cùng Định Quán, anh nhận ra

*"Ngang quê kiểng, dọc miền xa
Bóng chim bạt xứ bay qua lờ bời..."*

Đi chợ Biên Hòa anh nhớ tiếng nhạc ngựa:

*"... Ấu ơ em hát ví dẫu
Ngày đêm nhạc ngựa dong màu thời gian..."*

Anh vẽ chân dung người thợ tạc tượng đá:

*"Người chân đất tạc rồng bay
Một đời lặng lẽ nắng ngày sương đêm"*

Một Chiều ở Tân Hiệp:

*"Chợ xuân hoa ngập nắng tràn
Bên kia cầu đúc, người đang tìm người ..." .*

Trên Hồ Thiên Quang anh có cảm thức rất lạ:

*"... Dừng dăng sương nắng đầm hương cốm
Thu gốc nghìn năm vẫn ngõ ngang"*

Trong tiếng muôn trùng, Hồn Quê vọng một câu hỏi:

*"... Âm âm chuông vọng
Chẻ đôi mùa
Hồn ngờ lữ lớn nghe sông cạn
Phố đã nay
Mà ai đã xưa?"*

Rồi anh tự trả lời:

*"Chỉ có trời xanh may hiểu được
Hồn anh tha thần bến sông này"*

(Giấc Mơ Chim Sáo)

Trần Ngọc Tuấn viết rất hay về những gì cao rộng, sáng trong. Hồn thơ anh lấp lánh trong ánh sáng muôn trùng. Thơ chấp cánh cho anh bay, anh nâng thơ lên những miền rực rỡ của cảnh sắc và tâm thức. Tứ thơ anh bùng lên mới lạ đến kinh ngạc:

*"Vườn chùa cây lá đơn sơ
Nhà sư vun quén đôi bờ tử sinh
Giữa khuya bừng một đóa quỳnh
Hương đêm đông vọng lời kinh viếng ngày..."*

(Ở Chùa Pháp Hoa)

Giữa rừng Cát Tiên anh vui mừng

*"Một hôm già phở lên rừng
Non tơ suối mướt đã mừng bình yên
Bướm trinh chao cánh vườn thiên
Tiếng chim tra trả thức miền nguyên sinh"*

Một thoáng chệnh choáng xuân:

*"Cây đông trút sạch lá ưu phiền
Hồn như mai nở tận niên
Suốt mùa khổ hạnh nương thanh tịnh
Một chén xuân ươm chệnh choáng thiên"*

(Thư Xuân)

Anh đi giữa lá cỏ rơm rạ mà như trên nhung lụa của thiên nhiên:

*"Ai say màu lá quên hương nắng
Ai ngẩn ngơ làng chân rồi tỉnh
Ai nhờ rơm rạ hun chiều vắng
Ai gỡ cỏ xanh nhất tuổi mình"*

(Nhật Tuổi)

Hồn thơ anh “*như mai nở*”, như một “*đóa quỳnh bình nở giữa đêm khuya*”, trong một không gian “*trút sạch lá ưu phiền*”, ngây ngất với “*hương nắng*”, quân quýt với cỏ xanh với rom rạ khói chiều, “*chénh choáng*” trong vườn xuân có “*suôi non tơ*”, có “*bướm trinh chao cánh*”, chẳng bận tâm gì bên “*bờ tử sinh*”. Chẳng còn chút gì giông bão của đời sống phố xá (Bão Không Tên), anh gạt bỏ những “*ý khẩn, tin nhanh*” để kịp đón lấy một “*suất hoàng hôn*”. Trần gian chỉ là “*con mơ trăm năm*” (Gửi Người đã Khỏi Sương) và anh tự nhận ra “*Ta có là ai trong bể dâu*” (Không Đề). Anh ao ước là con chim sáo, “*nghe ngao hát đã quỳ vàng hoa*” mong nhìn thấy “*cây thiên trở sắc cà sa*” giữa đời vô thường. Hồn thơ Trần Ngọc Tuấn đã gần gũi lắm với tư tưởng Thiên, nhờ thế thơ anh như có sức cất cánh mạnh mẽ.

Những bài thơ anh viết về đời thường tuy vẫn có những nét tài hoa trong giọng điệu, câu chữ, nhưng trọng lượng thẩm mỹ lại nhẹ tênh, nhợt nhạt vì thiếu vũ trụ tư tưởng. Đã vậy, tình thơ anh trong những bài thơ ấy, tuy vẫn rất chân thành, song không sao đọng được trong lòng người đọc. Chẳng hạn, những bài thơ anh làm khi đi Trung Quốc như *Bên Thập Tam Lăng, Chơi Thuyền Trên Sông Hoàng Phố ở Thượng Hải, Nghe Tiếng Quạ Kêu Trên Vạn Lý Trường Thành*. Những bài thơ ấy tuy ít nhiều có những suy nghiệm, nhưng những cảm nghĩ của anh chưa có sức lay động. Nếu đọc thơ Nguyễn Du trong lần đi sứ Trung Quốc (*Đề Đài Tham Mã Phục Ba Miếu, Kỳ Lân Mộ, Ngũ Nguyệt Quan Canh Độ, Tương Đàm Điếu Tam Lư Đại Phu, Phán Chiêu Hôn...*) người đọc sẽ nhận thấy cảm thức của Nguyễn Du cuộn cuộn trong dòng lịch sử ào ạt dữ dội, bao la bát ngát trong cõi nhân sinh và đầy uy lực trước những vấn đề thời đại,

lịch sử. Tư thế của nhà thơ là tư thế lẫm liệt của một dân tộc nhân văn và anh hùng.

Trần Ngọc Tuấn không nói gì nhiều về những vấn đề của hiện thực anh đang sống. Thấp thoáng có một vài chiêm nghiệm. Đi trên đường phố trơn trượt, anh sững sờ: *"Té ra xuống phố khó hơn lên ngàn"*, Lên Mã Đà anh thương người công nhân lâm trường thức đêm coi rừng mà *"giận còn lâm tặc hung hăng phá rừng"*. Bên rừng cao su rụng hết lá mùa đông, khô kiệt khi đã cho hết nhựa, anh thương người công nhân cao su mà ao ước: *"Người giống thế... mà đừng phải thế"*. Nhìn người người dắt nhau đi trong cơn lũ, anh không giấu được nỗi xót thương *"người xót xa người ngấm bể dâu"*. Nhìn người quét rác vất vả quanh năm anh cảnh tỉnh mọi người đừng vứt rác trên sông: *"Ai có thấy mình là kẻ ác/ vứt phũ phàng rác mặt dòng sông"*... Những đường nét như thế về hiện thực chỉ là những hình ảnh thoáng qua, thơ Trần Ngọc Tuấn chưa tiếp cận được với những *"trung tâm bão"* thời đại, thành ra người đọc hôm nay chưa tìm thấy thời đại của mình trong thơ anh.

Có chăng là sự dẫn vật của chính anh về thời đại mình:

*"Những bọt nước lúng liếng
Những con chữ phạc phờ
Thác quặn mình thành điện
Người vật vờ thành thơ".*

(Tứ Tuyệt bên Thác Trị An)

Anh khóc Nguyễn Đức Thọ mà cũng là khóc chính mình:

*"Một ly này nữa thôi mà
Một mai sương khói biết là về đâu"*

*Chưa tàn một cuộc bể dâu
Thoảng nghe đất gọi dăm câu rợn mình...”.*

Về đâu, nơi không có bóng người:

*“Duyên xưa thôi đã nhạt hồng
Chim kêu khản giọng. Vườn không bóng người”.*

(Duyên Xưa)

Rồi anh thương mình:

*“Bước chân lạc điệu xập xình
Thương văng trăng lẻ si tình đêm hoang”.*

(Chơi Thuyền Trên Sông Hoàng Phố)

Cũng có lúc anh muốn thỏa chí tang bồng:

*“Xanh xa trời thả mây hòn
Cho con thỏa chí tạo tròn dựng vuông”.*

(Biển Sớm)

Nhưng anh nhận ra rằng

*“Biển xanh xa đến ngõ ngàng
Tôi ngu ngơ đến bàng hoàng cuộc chơi”.*

(Biển Gọi)

Và anh chọn lựa con đường của mình:

*“Thôi ta cứ học như loài kiến
Lặng lẽ đi mà tạo nên đường...”.*

(Ngụ Ngôn Riêng Mình)

Những dòng tâm sự ấy gợi ra mơ hồ về một “người thơ”
Trần Ngọc Tuấn giữa cuộc “bể dâu”. Anh cô độc như “văng

trắng lè” giữa “vườn không bóng người”, anh “vật vã” làm thơ và “lặng lẽ” như loài kiến tự tìm lấy con đường mà đi. Anh tha thiết với cuộc đời, nhưng mà “Thương người thương đến thiết tình/ Sao còn có kẻ rập rình gương cung”. Anh không màng cõi trần gian bởi vì “Trần gian một thoáng tình cờ” mà chọn cách sống “thiệt thà muôn thuở” của người quê: “Chuyện đời có có không không/ Người quê muôn thuở mom sông thiệt thà”. Có lẽ nhờ thế mà hồn thơ Trần Ngọc Tuấn luôn tươi xanh chẳng?

Thơ Trần Ngọc Tuấn vẫn nằm trong giòng chảy của thơ truyền thống, nhưng có nhiều yếu tố mới lạ. Anh làm tứ tuyệt bằng lục bát khá thành công, Trần Ngọc Tuấn vừa giữ được vẻ trang trọng cổ kính uyên bác của tứ tuyệt, lại vừa kết hợp được cái tài hoa bay bướm của anh trong hồn quê chân chất dân dã lục bát. Những bài *Ở Chùa Pháp Hoa, Duyên Xưa Giữa Rừng Cát Tiên Nghe Tiếng Chim Tra Trá, Thu Xuân, Thu Trên Hồ Thiên Quang, Chơi Thuyền Trên Sông Hoàng Phố, Bụi Mờ Dấu Chân, Biển Sớm* như làm mới lại thơ cổ điển, làm cho chất cổ điển gần gũi với độc giả hôm nay hơn. Những bài ở thể thơ tự do như *Bên Rừng Cao Su Xuân Lộc, Hồn Quê, Em, Ngụ Ngôn Riêng Mình*, cũng là những bài đặc sắc. Những bài ấy giữ được độ nén ngôn ngữ, độ sâu tư tưởng và sự thăng hoa cảm xúc của tứ tuyệt cổ điển, lại gọi ra những cảm nhận mới lạ, tạo nên những cảm xúc thẩm mỹ giàu năng lượng làm bùng nổ những mạch tri kỷ trong lòng người đọc. Cái mới trong thơ Trần Ngọc Tuấn là cái mới của ngôn ngữ. Anh có nhiều câu thơ mà ngôn ngữ đời thường quen thuộc bỗng tỏa sáng màu sắc lạ (*Nhật Tuổi, Thu Trên Hồ Thiên Quang, Dưới Chân Đèn Nguyễn Hữu Cảnh, Hồn Quê...*)

Trần Ngọc Tuấn có khả năng đi xa trên con đường thơ vì sức sáng tạo của anh dồi dào, thơ anh có cá tính. Anh là một *người thơ tài hoa* mà dung dị, chân chất như “*Người quê muôn thuở mom sông thiết tha*”. Giữa lúc người trẻ đua nhau đánh bóng mình bằng thơ Tân Hình Thức, thơ Hậu Hiện Đại, bằng những phát ngôn tự sát, thì Trần Ngọc Tuấn lại âm thầm bên bi tìm kiếm những cội nguồn giàu trữ lượng. Anh khai phá con đường thơ đi về phía ánh sáng trí tuệ và tâm linh, làm thăng hoa tư tưởng và nghệ thuật cổ điển trong sự kết hợp với cái duyên dân dã và những sắc màu mới của đời sống thực tại hiện đại. Con đường ấy đã giúp nhập cuộc với nỗ lực đổi mới thơ ca của các nhà thơ Việt Nam đương đại. Đó là một chọn lựa khó khăn và dũng cảm. Rồi đây, Trần Ngọc Tuấn sẽ thu lượm được những bông hoa rực rỡ trên đường đi tới những chân trời nghệ thuật còn dài rộng ở phía trước.

15/3/2005

TRÁI TIM BIẾT KHÓC

(Độc tập thơ Đêm Khát của Nguyễn Đức Phước,
Nxb. Hội Nhà Văn năm 2008)

Nhiều nhà thơ trẻ đương đại quay quắt trong cái tôi, hà hê với sex⁶, ồn ào với “cách tân”, nhưng họ không sáng tạo được những tác phẩm nghệ thuật có thể đọng lại trong lòng người đọc và đứng được với thời gian. Vĩnh Phúc nhận xét: *“Thú thật, tôi đã đào xới các mạng, tìm kiếm đến mờ mắt những câu thơ hay của các khuôn mặt tên tuổi và chỉ thấy ở đó rất nhiều những con chữ phùng mang trợn mắt không hồn vía, những rêu rao tình dục, những giễu nhại hồ đồ phi thẩm mỹ...”*⁷. Trái lại, Nguyễn Đức Phước có những cảm thức nghệ thuật vượt qua thế hệ mình, những cảm thức nối kết truyền thống với hiện đại. Thơ Nguyễn Đức Phước là thơ tư tưởng thẩm mỹ.

Nếu đọc bằng cảm thức tư tưởng, *Đêm Khát* có thể có sức lay động sâu xa tâm hồn người đọc. Nguyễn Đức Phước

⁶ Tọa đàm về “Thơ trẻ hôm nay” do tuyên tập Áo Trắng tổ chức chiều 17-7-2007 tại hội quán Miss Sài Gòn.

⁷ Vĩnh Phúc, *Cái Chi Chi Thơ*, VCV, 28.6.08.

viết về những cái đời thường, nhưng anh, dẫn ta vào cõi sâu thẳm của ý thức về thời gian, không gian và những vấn đề của kiếp nhân sinh. Ở nơi ấy, nỗi đau choáng ngợp tất cả:

*"Mọi vương triều cũng thành hoang phế
Còn đây đau đáu một hình hài".*

(Nỗi Buồn Thánh Địa)

*"Dập dìu góc phố lặng im
Tháng năm xa cách cố tìm lại đau".*

(Đêm Vàng Bỏ Quên)

*Chuyến đó ngày ấy em xa
Vẫn còn đau nỗi bồn ba xức người".*

(Nỗi Buồn Sông Ngân)

*"Ta để quên loài hoa phố núi
Tìm ánh mắt mùa đông
Chiếc khăn len phảng phất hương đại
Ám ảnh đêm
Ché rượu cất nỗi đau hoang dã..."*

(Ảo Ảnh Mùa Đông)

*"Một tiếng khóc giữa muôn ngàn tiếng khóc
Một cơn đau vật vã những cơn đau".*

(Trả Lại Cho Em)

Đó là nỗi đau hiện sinh trong hoang phế buồn thiên cổ và ẩn hiện những vật vã kiếp người lâm than. Nói như thế để thấy Nguyễn Đức Phước không luẩn quẩn trong cái tôi của thơ trẻ. Anh hòa nhập vào được những nguồn mạch lớn của thơ ca tư tưởng trong thơ truyền thống và thơ hiện

đại. Có thể nói nỗi đau là mạch cảm hứng căn cốt của *Đêm Khát* và của hồn thơ Nguyễn Đức Phước. Nỗi đau ấy cất lên nhiều cung bậc và nhiều sắc thái. “*Nỗi đau hoang dã*”, nỗi đau của sự mất mát: *tháng năm, hoang phế, rong rêu*”, nỗi đau thân phận lạc loài “*mịt mù khói sương*”, nỗi đau “*vật vã*” của muôn ngàn tiếng khóc:

*Ta còn gì trên sông quê
Khi phù sa chảy vào lòng biển bạc”.*

(*Ảo Ảnh Mùa Đông*)

*“Thu vàng không thấy vàng thu
Trông về muôn hướng mịt mù khói sương”.*

(*Thu*)

*“Biển chiều lặng lẽ cơn mưa
Mờ phai dấu cát ngác ngơ cánh bướm”.*

(*Đông*)

*“Ta vùng vẫy tìm khắp biển cả
Chạm rong rêu”.*

(*Biết Khóc*)

*“Hỏi mưa mưa nói buồn thiêu
Hỏi nắng nắng chỉ: rong rêu tứ bề”.*

(*Hạ*)

Nguyễn Đức Phước không chạm vào cái hiện sinh *phi lý* đến “*buồn nôn*”⁸ của tư tưởng hiện sinh hiện đại mà đạt tới cái cụ thể, cái vô cùng thời gian của nghiệm sinh hữu

⁸ La Nausée, J.P.Sartre

Bài đã đăng trên văn nghệ trẻ số 32 ngày 10/8/08.

thê: “Mọi vương triều cũng thành hoang phế Còn đây đau đáu một hình hài”. Nỗi “đau đáu hình hài” ấy giàn giụa nước mắt:

“Giọt nước mắt rơi xuống biển
Bao giờ đến được bờ kia”.

(Nhớ Biển)

“Ta còn lại bước chân lâm lũi...
Giữa ngàn thông giọt nước mắt thấm thì”.

(Tiễn)

Trong cái ý thức hiện sinh ấy, Nguyễn Đức Phước thấy xung quanh mình là đêm “lạnh toát”. Đó là đêm hiện thực thăng hoa thành đêm của ý thức tư tưởng thâm mỹ:

“Tiếng côn trùng rả rích trên thảm cỏ xanh ướt đầm
Lạnh toát đêm...”.

(Ngày Xa)

“Bầu trời xanh bỗng co rúm lại
Để bóng đêm trùm xuống những cuộc đời”.

(Trả Lại cho Em)

“Tôi còn lại mớ bong bong
Dem về rao bán giữa dòng sông đêm”.

(Đa Tình)

Nguyễn Đức Phước nói đến những “ám ảnh đêm”, “đêm trắng đêm gió hú”, “gặm nhấm đêm”, là nói đến đêm của sự bất lực trước thực tại:

“Vô cảm trước những ngôn từ
Thơ - Không phải thơ
Người - Có phải người?”

*Trắng giấy
Đêm Đen?"*

(Bất Lực)

*"Những câu chữ không còn hồn vía
Chập chờn như dải lụa đen".*

(Biên Giới Một Tình Yêu)

Những "ám ảnh đêm" ấy là ám ảnh về những kiếp người không được làm người. Nguyễn Đức Phước hoá thân vào người ăn xin, lạy sáu cõi thế gian (*Lạy*), vào những bào thai phải lãnh án tử (*Viết Tại Khoa Sản*), những nạn nhân chất độc da cam "*Em sinh ra không mặt, chỉ có dấu!*" (*Trả Lại Cho Em*), "*những người đàn bà...*" (*Đêm Khát*), những thân phận "*bôn ba xứ người*". Nguyễn Đức Phước "*kêu khản giọng*" mà vẫn không thể mua được "*một đĩa vị tha, một đĩa nụ cười, một đĩa niềm tin*" để chia sẻ cho đời, cho bạn (*Xin Mua*). Niềm đau ấy đầy ắp tình người, cái tôi của nhà thơ nhòa đi trong nỗi đau cụ thể *đau đau hình hài*. Nỗi đau ấy lớn lao khiến nhà thơ nhận ra sự bất lực của mình và sự vô cảm của thơ.

Trong sâu xa của hồn thơ Nguyễn Đức Phước, còn có nỗi đau của một tình yêu xa khuất mà những kỷ niệm làm trần trở mãi không thôi:

*"Cánh chim vẫy biệt ngày xuân
Người xa xa mãi băng khuâng bóng chiều
Tìm mình một ngọn lửa thiêu..".*

(Xuân)

*"Tình yêu khát đến bạc đầu
Bờ dâu ngăn cách nhịp cầu đa mang".*

(Đêm vàng Bò Quên)

*"Bỏ quên cả kiếp lưu đày
Mà không đổi được một ngày cho em".*

(Bỏ Quên)

Tình yêu ấy "thieu đốt trái tim", cháy "khát đến bạc đầu", có thể đánh "đổi cả kiếp lưu đày để được một ngày cho em". Nhà thơ đã đi đến tận đáy lòng mình trong tương quan với thời gian, không gian, giữa cái cụ thể kỷ niệm và cái vô cùng của ý thức về nỗi đau:

Với tư cách một nhà thơ, Nguyễn Đức Phước còn có nỗi đau về chính thơ ca.

*"... Những vũ khúc với những điệu nhạc xập xình
Nàng thơ uốn éo, nàng thơ lập lòe
Nàng thơ thoát y
Những vũ điệu sexy trên giấy...
Tội nghiệp!"*

(Những Vũ Khúc Trên Giấy)

- "1. Những chiếc bánh trung thu sau đêm rằm
Đại hạ giá*
- 2. Những bộ áo quần may sẵn
Giá chỉ còn ba mươi phần trăm
Đại hạ giá*
- 3. Cô gái đứng đường quá nửa đêm
Đại hạ giá*
- 4. Đại hạ giá
Đại hạ giá
Ai mua thơ..."*

(Đại Hạ Giá)

Thơ mất giá vì “nàng thơ uốn éo, nàng thơ thoát ý”, làm “những vũ điệu sexy trên giấy”. Nhưng làm sao thơ lại có thể so sánh với bánh trung thu, với bộ áo quần may sẵn, với những cô gái đứng đường. Với những cái cụ thể, có thể hưởng thụ được, có thể đem đến no ấm khoái lạc, mà còn mất giá thì nhà thơ có thể rao bán thơ cho ai? Thơ không phải để bán mà để giữ lấy giọt lệ làm người:

*“Lật qua tập thơ cũ
Những cảm xúc ngày thơ...
Sao mình vô tư thế
Giọt lệ còn chưa khô”.*

(Ngày cũ)

*“Dẫn cuộc chiến lùi vào quá khứ
Những rừng cây nẩy lộc đâm chồi
Hãy trả lại cho em trời xanh đó
Hãy trả lại cho em nghĩa con người”.*

(Trả Lại Cho Em)

Khi Nguyễn Đức Phước còn nói được những tiếng kêu thương của kiếp người, còn đưa dẫn người đọc vào thế giới của cái đẹp tư tưởng và nghệ thuật, thì thơ anh như những “giọt nước mắt rơi xuống biển sẽ đến được bờ kia (Đáo Bĩ Ngạn - chữ của nhà Phật).

Có thể nhận thấy nội dung tư tưởng thơ Nguyễn Đức Phước đã chảy cùng một dòng với thơ truyền thống và thơ hiện đại, và về nghệ thuật, Nguyễn Đức Phước cũng làm mới thơ mình trong khuynh hướng đổi mới thơ ca Việt đương đại. Tuy nhiên anh không ồn ào thử nghiệm cách tân. Anh có những bước chuyển tự nhiên từ truyền thống

đến hiện đại. Những câu thơ lục bát của anh kết hợp với tứ tuyệt có vẻ đẹp riêng:

*"Thu vàng không thấy vàng thu
Trông về muôn hướng mịt mù khói sương
Xin đời còn chút tơ vương
Thả rơi chiếc lá bên đường hôm nao".*

(Thu)

Người đọc nhận ra vẻ đẹp hài hòa của nhiều bút pháp: chất liệu ca dao, âm hưởng câu thơ Kiều và cảm hứng bàng bạc của thơ lãng mạn trong cái thi vị tứ tuyệt của bài thơ Thu. Nguyễn Đức Phước có được những tứ thơ lục bát khá hay:

*"Bỗng quên lời hứa muộn màng
Mái xanh xưa đã ướt vàng chân mây".*

(Bỗng Quên)

*"Biển chiều lặng lẽ cơn mưa
Mờ phai dấu cát ngác ngơ cánh bướm!"*

(Đông)

Nhiều bài của *Đêm Khát* vẫn viết theo thi pháp thơ lãng mạn. Bài thơ là tâm trạng của nhân vật trữ tình. "Cái ta" choán cả bài thơ với những cảm xúc dào dạt:

*"... Trong cơn mơ ta thấy em bốc cháy
Trên ngọn núi nghìn ngụt dung nham
Ta gào thét lao người giữ lấy
Tro tàn ..."*

(Biết Khóc)

Bài *Hợp Xướng Đêm, Biên Giới Một Tình Yêu, Con Bão Vừa Đi Qua, Vòng Xoay*, được viết bằng bút pháp hiện đại:

*"Thơ tình
Rơi xuống đất
Nổi đau quăng vào sọt rác

Thiếu nữ trong bài thơ
Cùng gã đàn ông
Khúc khích
Khúc khích
Chuột reo trong sọt rác
Đêm..."*

(Hợp Xướng Đêm)

Ta nhận ra thi pháp của thơ hôm nay ở chỗ, không có nhân vật trữ tình hiện diện trực tiếp trong bài thơ bày tỏ tâm trạng như trong thơ lãng mạn, hay thơ truyền thống. Hình ảnh thơ là hệ thống ẩn dụ. Nhạc của thơ không phải là nhạc của âm, vần, mà nhạc của cuộc sống. Không gian, thời gian nghệ thuật làm bối cảnh bị tước bỏ. Chất liệu và ngôn ngữ thơ là chất liệu đời thường. Tác giả ghi lại một cách khách quan và không can dự gì vào những mảnh của hiện thực. Không có những "đại tự sự" như tình cảm nhân đạo, giá trị nhân văn, tình tự dân tộc, ngợi ca cái đẹp. Thay vào đó, tất cả "quăng vào sọt rác", "trong sọt rác".

Trong thế giới của *Đêm*, không có chỗ cho *nổi đau*, không có chỗ cho *tình yêu*. *Tình yêu*, *nổi đau* là những giá trị nhân bản truyền thống chẳng có giá trị gì trong xã hội thực dụng hiện đại. Chỉ có khúc khích đàn ông đàn bà cùng tiếng reo của lũ chuột. "*Đêm...*" là đêm của loài thú,

thăm thẳm hoan lạc. “*Trong sọt rác*”, thiếu nữ, gã đàn ông hay chuột có khác gì nhau. Không còn giá trị Người. Trong thi pháp hiện đại, người đọc trở thành đồng sáng tác với tác giả để cảm nhận tác phẩm. Tác giả không bắt người đọc phải cảm nghĩ theo cách của mình như trong tác phẩm thơ truyền thống. Nhờ thế bài thơ có sức tác động trực tiếp và đa nghĩa đối với nhiều đối tượng người đọc.

Tất nhiên đằng sau cái trần trụi của hình ảnh và ngôn ngữ thơ, người đọc vẫn nhận ra thái độ, tư tưởng, tình cảm của tác giả. Nhà thơ đủ tinh táo để nhận ra, để nghe thấy, để ghi lại và lên tiếng nói trước thực tại. Ấy là nỗi đau, là sự thảng thốt trước những giá trị nhân bản, giá trị của cái đẹp bị “*quăng vào sọt rác*”. Cái tiếng “*khúc khích*” và tiếng chuột kia như ám ảnh mãi...

Đêm Khát là một bước thành công mới của Nguyễn Đức Phước sau hai tập *Sông Thiêng* (2000) và *Lời Biển* (2004). Trong những cố gắng tìm kiếm và đổi mới thơ ca, Nguyễn Đức Phước có được những thành tựu đáng quý. Anh kế thừa được tư tưởng nghệ thuật của thơ ca truyền thống, đồng thời thành công bước đầu trong thể nghiệm những hình thức diễn đạt mới. Gấp trang thơ lại, tôi vẫn nghe tiếng anh chấp chới:

“*Đây đó tiếng kêu đồng loại
Có ai kia cứu lấy những con người*”.

(*Trả Lại Cho Em*)

Sao Anh Lại Trốn, Hỡi Nhà Thơ!

(Đọc lập thơ **TRỐN** của Đào Trọng Thử,
Nxb. Hội Nhà Văn, 2011)

Thơ đọng lại trong tôi nỗi buồn và nhiều trăn trở. Nỗi buồn thế sự của nhà thơ về thế hệ mình, thời đại mình và về chính mình. Thơ Đào Trọng Thử là thơ châm biếm - trữ tình, chất trữ tình là chính. Bởi dường như anh nhận ra rằng, sự phê phán châm biếm của anh đã bị thời đại vượt qua, và tiếng thơ của anh như tan vào cõi không. Trữ tình và châm biếm hòa quyện vào nhau, và đó là phẩm chất nghệ thuật riêng của thơ anh.

ĐÀO TRỌNG THỬ QUAN TÂM ĐẾN ĐIỀU GÌ CỦA THỰC TẠI?

Anh châm biếm cái sai, cái nghịch lý, cái bất nhân bất nghĩa, cái trái đạo đức của nhân dân, đề kháng định cái tình cái nghĩa, đặc biệt đối với những người đã chiến đấu và hy sinh. Anh không chịu đựng được những sự việc, những con người, những hoàn cảnh của đời sống kinh tế thị trường trái với lối sống tình nghĩa, nghèo mà thanh cao của thời chiến đấu hy sinh. Trong tập thơ này, trái tim người lính

trong anh vẫn dành cho đồng đội. Niềm vui, nỗi đau của anh xuất phát từ sự hy sinh của những người bạn, tương phản với đời sống xã hội thực tại.

*Bốn trăm chiến binh dự Mậu Thân đầm máu
Các anh hy sinh khi tập kích Biên Hòa
Giặc chôn các anh chung nấm mồ to quá
Hài cốt mỗi người không thể nhận ra*

*Đành chia thôi: Ôi đông xương khô lạnh
Đầu, mình, tay, chân kiếm đủ, chia đều
Chia lân lượt, trời ơi sao vẫn thiếu
Tất cả lặng câm không nghe ai kêu?!*

*Cha chia cho con nào nhà nào đất
Mafia chia nhau món lợi nhuận kếch xù
Quân tham những chia nhau những đồng tiền bẩn..."*

(Chia)

*"Chiến tranh kết thúc lâu rồi
"Nhấn tim đồng đội" của tôi chưa dừng
Nhấn người: - Người dừng dừng dừng
Nhấn đất: - Đất lặng không ngừng... chia lô...!"*

(Nhấn Tim Đồng Đội)

Đoạn thơ sau đây mang đặc trưng trữ tình - châm biếm của thi pháp Đào Trọng Thử. Anh châm biếm rất khôn ngoan, mỉa mai rất sâu cay sự giả dối trong cách người ta tổ chức mừng chiến thắng, nhưng không thể bắt bẻ câu chữ của anh được, bởi anh nhìn thấu cái bất nhân bất nghĩa của con người hôm nay với người đã hy sinh, và bởi cái tình của anh với đồng đội sâu nặng quá:

“Đồng đội cũ gặp nhau
Xanh xao
Nói cười như mếu
Lang thang lên tàu vào Nam - ra Bắc
Lên tàu ra Bắc xuôi Nam
Tự hào
Đưa tay ngang mũ để chào
Mắt ẩm ướt nước
“Nước mắt dành cho ngày gặp mặt”
Nước mắt trong những ngày lặn lội
TỔ QUỐC ĐÃ TOÀN THẮNG!
Chúng mình còn gian lao!
Nếu không có ngày 30 tháng 4
Ta cũng không vợ, không con, không nhà
Không ruộng,
Ngồi trầm tư trên bàn thờ khói hương đứt quãng
Xương đen nằm ngoài nghĩa trang
Làm ma trẻ ngấm tượng đài sừng sững
TỔ QUỐC GHI CÔNG...
... Mừng Việt Nam ta thắng Mỹ
Nhà nhà cụng ly
Người người cụng ly
Chiến sỹ cụng ly
Quân tham những cụng ly
Cùng nhau giết chó ăn mừng...
Đất nước đang thời mở cửa
Gió bốn phương, tám hướng ùa vào
Mát đấy rồi đau âm ỷ đấy”

ĐAU SUỐT ĐẾN ĐỜI CON - ĐỜI CHÁU CHÚNG MÌNH...!

(Lắng Tiếng Võ Tay - Nhân dịp kỷ niệm 35 năm Việt Nam thắng Mỹ - 30.04.2010).

Trái tim anh còn đau nỗi đau của dân tộc trong thời đại nhiều nhưng, thời đại cả dân tộc sợ ngáo ộp (*Có Một Con Ngáo Ộp*), thời đại oan sai không biết tìm Bao Công ở đâu (*Bao Công*), thời đại mà chênh lệch giàu nghèo không sao hiểu nổi (*Dột*), thời đại mà nhân dân xài tiền xu còn bộn nghĩ ra tiền xu lại xài tiền tỷ, chúng ném vào mặt nhân dân những đồng xu đen như ném cho lũ ăn mày (*Tiền Xu*), thời đại mà người thua kiện luôn là dân đen (*Sạch*), bởi đó là thời đại người ta đã quên bài hát “vì nhân dân quên mình” (*Bài hát Ấy Quên Rồi*):

*“Tôi lớn lên ngáo ộp có lâu rồi
Nó hiện nguyên hình từ thời cải cách
Trong mỗi mái nhà tranh
Trên mỗi bức tường bức vách...
Làng xóm lặng câm như bãi tha ma...
... Trong tăm tối:
Người với người nhìn nhau ngờ vực
Con cảnh giác cha
Vợ ngờ vực chồng
Cháu dẫu tố ông
Con đòi giết bố
Ngáo ộp âm thầm
Rình người khốn khổ
Nỗi kinh hoàng bạc nhược suốt trăm năm...”*

*... Có một con ngáo ộp
Ngự trị trong anh
Ngự trị trong em
Ngự trị trong lòng dân tộc
Khô' đau cho Tổ quốc này
Buồn thay!"*

(Có Một Con Ngáo Ộp)

Bài thơ dùng ngôn ngữ ẩn dụ chỉ những người đương thời với tác giả mới hiểu, hoặc nếu biết lần theo câu thơ Tố Hữu thì có thể nhận ra. Những thế hệ hôm nay sẽ chẳng hiểu được *ngáo ộp*: "*Mình đồng da sắt/ Trăm mắt, trăm tay*" thật sự là gì, và bởi họ không hiểu nên không còn sợ "*ngáo ộp*" nữa. Rất tiếc tập thơ này in trước sự kiện Tiên Lãng, nếu không tôi tin Đào Trọng Thừ đã có thơ, nhưng mà nhà thơ đã "*TRỐN*" thực tại hôm nay rồi, bạn đọc sẽ chẳng được đọc những bài thơ đầy dũng khí của Đào Trọng Thừ. "*Buồn thay!*" Ấy là tôi chỉ giả định vậy thôi, nhà thơ hôm nay đã không còn là anh lính chiến năm xưa nữa, mà "*giờ đây thanh thản đợi giờ để bay*" (*Lên Lã*).

Và đây là nỗi đau đã bật thành tiếng cười bất lực, bởi thời đại hôm nay đã đánh mất lý tưởng:

*"Thời anh là lính chiến
Đêm ngày "Hành quân xa
Bác vẫn cùng chúng cháu
Ngày nào anh cũng ca
Vì nhân dân phục vụ
Vì nhân dân hy sinh
Vì nhân dân quên mình
Cả toàn quân cùng hát*

*Đất nước giờ đôi khác
Thêm nhiều bài hát hay
Vì nhân dân quên khuấy
Cúi đầu chào - bó tay...!"*

(Bài hát Ấy Quên Rồi)

ĐÀO TRỌNG THỬ TRỐN ĐI ĐÂU?

Đào Trọng Thử lấy tên tập thơ là "TRỐN", bạn đọc sẽ tự hỏi tại sao nhà thơ lại trốn, trốn đi đâu, thái độ của anh là thế nào trong cuộc chạy trốn?

*"Vào rừng để nhớ chiến tranh
Một thời khốc liệt toàn anh lính quèn
Phố phường sống gấp không quen
Quên nhanh thờ ơ, nghèo hèn nhớ lâu*

*Rừng ơi đồng chí ở đâu?
Cây rừng rưng rưng lặng. Ve sầu diên diên...!*

*Vào rừng ngỡ gặp bạn hiền
Bạn hiền nhiều đưa xuôi miền hư vô*

*Vào rừng chạy trốn hoan hô
Hoan hô xô lệch cơ đồ nước Nam
Trốn phố phường cái túi tham
Cùng rừng ta tiếp tục làm con dân...!"*

(Trốn)

Như vậy là đã rõ. Anh trốn cuộc sống gấp ở phố phường, trốn sự giả dối, trốn sự gian tham. Anh lên rừng sống với đồng đội lính quèn chân thật, sống với những đồng chí, những người đã xuôi miền hư vô. Thực ra đó chỉ là cách nói ẩn dụ. Nhà thơ không thích hợp với đời sống kinh tế

thị trường, bởi vì người "*Làm kinh tế có trăm phương ngàn kế*" (*Âm Thịnh*), lũ người sống xung quanh chẳng khác gì lũ đười ươi, thực ra đười ươi khác người bởi chúng không ngậm tằm như người (*Ngậm Tằm*). Anh không sống được với bọn quan tham kiếm tiền như làm xiếc (*Xiếc*), trong khi người nghèo hiền lành chân thật như Thạch Sanh vẫn bị lừa (*Thạch Sanh*). Dẫu vậy, anh không giấu được những cơn giận điên người trước thủ đoạn và tội ác mà tập đoàn Vê-Đan gây ra cho quê hương Đồng Nai (*Bột Đắng*)!

*"Ai trực tiếp giết sông
Là gián tiếp giết người
Sông chết bây giờ
Người sẽ chết mai kia!*

*Lừa đã cháy! Chuột đã lòi mặt chuột
Tập đoàn Vê-Đan ăn năn hôi cải
Đã muộn rồi!
Bột ngọt các người trở nên đắng chát".*

Hồn thơ Đào Trọng Thi chỉ thực sự bình yên khi trở về với đồng quê xanh mát tình người:

*"Phở bò, lẩu Thái cho qua
Mẹ ghiền bánh đúc - thứ quà nhà quê
Bánh đúc bát, bánh đúc sế
Lạc rang ít hạt bụi tê tái... bụi..."*

*Mẹ ăn bánh: Con bụi ngùi
Bao bà Mẹ - Giống mẹ tôi hờ giời?!
Nồng nàn tằm bánh đúc vôi
Quốc hồn dân Việt dưng đời thảo thơm...!"*

(Ca Bánh Đúc- Kính tặng các bà mẹ Việt Nam)

"Cha tích cực trồng cau
Để kiếm mo làm quạt
Trời dộp phồng khô khát
Thương mẹ già mỏi tay ...!"

(Mo Cau)

"... Ước gì trở lại ngày xưa
Đời yên tĩnh thả trâu đùa cùng ta
Cỏ non xanh lại đông nhà
Trâu xơi thỏa chí, khỏi qua đông người".

(Trâu Vê)

Ở những bài thơ trên (Ca Bánh Dúc, Sen, Hoa Lau, Rau Tàu Bay, Lá Trung Quân, Thấy Oi, Nước Mắt Chảy Xuôi, Mo Cau, Trâu Vê...), thơ Đào Trọng Thử hiền lành hơn, chất trữ tình đậm đặc hơn. Hồn thơ sâu nặng nghĩa tình. Tính châm biếm chỉ còn là nổi xót xa rất nhẹ nhàng. Nói điều này để thấy những bài thơ châm biếm của anh xuất phát từ những nỗi bức xúc thế sự không đành lòng được, còn căn cốt hồn thơ anh là tiếng nói trữ tình:

"Thờ phào: Thoát khỏi hương dương
Chuyển sang hương thọ: đoạn trường còn xa...?!
Bao nhiêu lần suýt làm ma
Rồi con, rồi cháu đây nhà như ai
Ngẫm mình có tí tẹo tài
Hành nghề chữ nghĩa với vài tập thơ
Xuống ruộng chán, lại lên bờ
Giờ đây thanh thản đợi giờ để "bay"
Của riêng "còn một chút này"
Ai khen: Cảm tạ - ai rầy: Cảm ơn...!"

(Lên Lão - 2009)

Nằm trong dòng thơ trữ tình của Đào Trọng Thử là những bài anh viết cho các công ty (*Tình Trong Ly Cà Phê, Những tiếng Đập Sữa, Gửi Người Mặc Áo Nàng Bân, Những Cái Râu Mực*). Những bài này chất trữ tình lẫn át hẳn chất quảng cáo, khiến cho người đọc chột ngổ ngàng về tài thơ của anh. Bởi khi viết thơ châm, người thơ chú trọng đến đối tượng châm biếm và các kỹ thuật viết thơ châm, khiến cho chất nghệ thuật của ngôn ngữ văn chương bị giảm đi (thí dụ các bài: *Không Đề, Gặp Lại Cây Sung, Bình Quân, Mèo, Đây Tớ Còn Đang Hẹn...*).

THƠ CHÂM CỦA ĐÀO TRỌNG THỬ CÓ GÌ ĐẶC SẮC?

Nghệ thuật châm biếm trào phúng của Đào Trọng Thử là nghệ thuật của thơ trào phúng truyền thống. Anh hay dùng thủ pháp tương phản để bật ra cái mâu thuẫn gây cười, tiếng cười đánh thẳng vào kẻ xấu, cái xấu. Anh cũng có những bài sử dụng nghệ thuật ẩn dụ để khái quát về một vấn đề (*Mối, Gặp Lại Cây Sung, Không Đề, Rác, Thạch Sùng, Xuân Tóc Đỏ, Thạch Sanh, Lý Thông, Chí Phèo, Thi hào Nguyễn Du, Có Một Con Ngáo ộp*). Lập trường của anh là lập trường nhân dân, chính nghĩa của anh là chính nghĩa dân tộc, tình cảm yêu thương chiến đấu của anh là tình cảm thiên về đạo lý của nhân dân. Trong thơ anh, rất hiếm khi gặp được Cái Tôi.

Bài *Cấp Độ* được viết như một tiêu phẩm hài:

"Đỉnh tưng năm khách sạn 5 sao

Nhìn xuống cánh đồng ven đô

Cán bộ tỉnh trầm trồ:

- Ôi! Lúa mùa chín vàng mơ, đẹp quá!

Cán bộ huyện tán dương hể hả :

*- Một cánh đồng màu mỡ
Dân trông toàn lúa nếp
Hứa hẹn vụ mùa bội thu*

Cán bộ xã gãi đầu, gãi tai:

*- Hồng dấm đầu, đất quy hoạch sân golf
Nông dân đã nhận tiền rồi
Màu vàng cỏ tranh thôi
Kính thưa các sếp...!”*

Nhưng tuyệt kỹ châm biếm của Đào Trọng Thứ phải kể đến bài *Lắng Tiếng Võ Tay, Bài Học Võ Tay, Thường*. Anh nói rất thật, nhưng lại là châm biếm, và châm biếm sâu cay. Cái đau không phải là ở đối tượng bị châm biếm mà lại nỗi đau không kìm nén được trong lòng anh. Anh phê phán thói giả hình, thói vong ân bội nghĩa của cuộc đời và xót xa cho những người đã chiến đấu và hy sinh. Anh chỉ ra trong cái ồn ào, xô bồ, phô trương hình thức, đâu là bản chất của sự giả dối vong ân. Nội dung trở nên trào phúng khi ngôn ngữ của anh đang bình thường bỗng chuyển sang cường điệu hoặc tương phản:

*... Ba mươi lăm năm ăn mừng toàn thắng
Người sống ngồi cùng người chết
Cùng lắng nghe biển người
Võ tay rào rào hoan hỷ
Bắt tay đồng chí - đồng bào
Tiếng võ tay đều đặn, tự hào
Tiếng võ tay vang vang như biển động sóng trào
Tiếng võ tay như sấm rền tít tận trời cao...
Mừng Việt Nam ta thắng Mỹ*

*Nhà nhà cụng ly
Người người cụng ly
Chiến sỹ cụng ly
Quân tham những cụng ly
Cùng nhau giết chó ăn mừng
Tự hào ngày 30 tháng 4 góp mặt chúng mình
Tự hào có chúng mình mới có ngày 30 tháng 4
Đồng đội của tôi ơi hãy im lặng lắng nghe cả nước vỗ tay
Vỗ đến tấy đỏ cả hai bàn tay vẫn còn mãi vỗ..."*

(Lắng Tiếng Vỗ Tay)

Trong đoạn thơ trên cũng cần thấy tài năng dựng cảnh, tài năng, "chộp" những hình ảnh sắc nét, bất chợt, tài năng đặt bên nhau những cái tương phản để tạo ra một không gian nghệ thuật vừa cụ thể, vừa có sức khái quát, vừa rất thật, nhưng vừa là sự lật nhào tất cả làm lộ ra những gì là giả dối, sự giả dối lớn lao, sờ sờ ra đó trong thời đại hôm nay (*cả nước-vẫn còn mãi*). Cái đau là ở những người như "chúng mình": "*Tự hào có chúng mình mới có ngày 30 tháng 4/ Đồng đội của tôi ơi hãy im lặng lắng nghe cả nước vỗ tay*".

Có thể bạn đọc sẽ không đồng tình với Đào Trọng Thử về cách nhìn và cách phản ánh, phân tích hơi quá đáng của anh về hiện thực. Cả tập thơ chỉ phản ánh hiện thực đau lòng của số phận nhân dân, của người lính sau chiến tranh, hiện thực giả dối, hiện thực bất công của thời kinh tế thị trường, anh ước mơ trở về "ngày xưa", thời gian khổ nhưng nghĩa tình chân thực, đầm thắm. Tuy không nói thẳng ra, nhưng anh đòi hỏi phải có một xã hội công bằng, "*Cơm no, áo ấm nhà nhà*", đòi hỏi những người đã chiến đấu hy sinh phải được bù đắp xứng đáng. Anh ca ngợi cuộc sống thanh

bần. Cái nhìn của anh bi quan trước hiện thực, có đôi khi anh thỏa hiệp với hiện thực (*Mình Thọ Bác Bùi Tứ Hải, Thiên Đường,...*).

Thực ra chiến tranh đã qua lâu rồi (37 năm), chẳng còn ai mong trở về cái thời đau thương ấy nữa. Bây giờ là thời *khép lại quá khứ hướng đến tương lai*, thời của “*nước giàu, dân mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh*” sẽ chẳng ai ngồi ôm đống xương người chết mà khóc (dù công việc đền ơn đáp nghĩa, tìm hài cốt liệt sĩ vẫn đang tiến hành), chẳng còn ai thích ăn rau tàu bay, dùng quạt mo cau nữa (*Rau Tàu Bay, Mo Cau*). Đào Trọng Thử cố níu kéo cái thời quá vãng ấy, liệu anh có đủ sức không?

Cũng cần thấy điều này về mặt nghệ thuật, Đào Trọng Thử có những phát hiện rất tinh tế, rất thơ cũng rất tư tưởng ở những sự vật sự việc của đời thường, qua đó anh đặt vấn đề làm “nhức đầu” người đọc (*Hoa Lau, Rau Tàu Bay, Âm Thịnh, Tiền Xu, Mối, Nhấn Tìm Đồng Đội, Cấp Độ*). Đọc những bài thơ này, người đọc vừa thấm thía, vừa thú vị. Thấm thía ở vấn đề anh đặt ra, thú vị ở nghệ thuật thể hiện. Xin đọc *Tiền Xu* và *Cấp Độ* là hai bài tiêu biểu. Tuy vậy không phải bài nào anh cũng thành công. *Bình Quân* và *Ngâm Tăm* là hai bài rất ít sáng tạo nghệ thuật. Bài *Ngâm Tăm* (07.2010) của Đào Trọng Thử chắc chắn là sự diễn đạt lại dưới dạng thơ ý tưởng chủ đề của truyện ngắn *Thói Ngâm Tăm* (12.2007) của Khôi Vũ. Còn *Bình Quân* là câu chuyện giả định được kể nhiều trong dân gian để mỉa mai cách tính GDP theo bình quân đầu người. Đào Trọng Thử chỉ ghi lại câu chuyện mà không có sáng tạo gì mới hơn. Bài *Mèo* thực sự chưa đem đến cho người đọc cảm xúc thẩm

mỹ cần thiết để cảm nhận đó là một bài thơ, ngoài sự chia sẻ một nhận định bi quan của tác giả “*Người đời ai chẳng một lần/ Mèo...!*”:

*“Có một con gà luộc
Bình quân cho hai người
Kẻ giàu thản nhiên chén
Người nghèo nhăn răng cười...”*

(Bình Quân)

Nếu Đào Trọng Thử phát huy được mặt mạnh của mình cả trong thơ trữ tình và thơ châm biếm, anh sẽ có nhiều thành công hơn, bởi anh có được cái nền tình nghĩa sâu nặng với nhân dân, sử dụng được kỹ thuật thể hiện của nhân dân, và anh hòa mình vào trong nhân dân để cảm nhận, lên tiếng về những vấn đề của đời sống đương đại, mà tầm nhìn của anh vừa có chiều lịch sử, vừa có chiều hiện đại (*Có Một Con Ngáo ộp - Bọt Đắng; Sen - Cấp Độ...*). Trong tập thơ TRỐN anh không có bài thơ cách tân theo khuynh hướng của thơ Việt đương đại, tuy vậy tập thơ định hình được khuôn mặt thơ Đào Trọng Thử với hai nét sắc sảo là trữ tình và châm biếm. Đào Trọng Thử vẫn trung thành với con đường đi riêng trong cá tính sáng tạo, và ít nhiều anh đã có được thành công.

Dù sao ý niệm “trốn” trong thơ Đào Trọng Thử cũng gọi ra thái độ *an bản lạc đạo* của nhà Nho xưa, tuy Đào Trọng Thử chưa bao giờ là nhà Nho, mà tính cách của anh là tính cách con nhà lính:

*“Cháu nội cháu ngoại đây nhà
Gặp nhau thì vẫn cứ là mày tao*

Ngõ như vừa mới hôm nào
Tha La, Vườn Mít, đội tao đội mày
Trộm rau bắt gặp thì "vay"
Mổ thương binh giỏi, đứt tay la làng
Lính quèn rất khoái xài sang
Đèn Nghéo, đài Nhật nghênh ngang rìng già...
Chiến trường ôn lại mắt cay
Rưng rưng nhớ bạn bấy chầy "tiêu dên"
Miền Đông ác liệt nữ quên?
Mất toi tuổi trẻ bắt đền ai đây?!
Ăn mừng cuối tháng Tư này
Sang năm gặp lại chúng mày Hăm ba...".

(Ngẫu hứng K23)

HỒI QUANG CỦA HỮU ƯC

(đọc tập thơ Hồi Quang của Nguyễn Hoài Nhơn,
Nxb. Hội Nhà Văn 2012)

1. *"Mưa vượt ngược từ rễ mềm lên lá
Thăm thăm gần, vơ vẩn kí ức xa".*

(Hồi Quang)

Tứ thơ mới mẻ đến lạ lùng này đủ sức hấp dẫn người đọc đi vào thế giới nghệ thuật Nguyễn Hoài Nhơn, mà ở đó người đọc có thể tìm được những hạt châu ngọc của một hồn thơ còn nhiều trần trở.

2. *Hồi Quang* là ánh sáng phản hồi từ kí ức, ánh sáng của trần trở khôn nguôi những khát vọng và tuyệt vọng mệnh mông:

*"Ta, cọng cỏ khô queo lẫn bấy hây trong rơm rác...
Nỗi đau còn mãi, niềm vui sẽ ít đi
... Ta cứ bé dần đi trong muôn trùng tuyệt vọng băng tan".*

(Hào Vọng)

Nhưng nhà thơ tuyệt vọng về điều gì? Thực không dễ khám phá những điều sâu thẳm của tâm thức. Tuyệt vọng

vì một đời làm thơ (?), bao công sức, tâm huyết đã đổ ra, mà thơ vẫn chưa lên ngôi. Phải chăng đó chỉ là những giấc “mơ hão huyền”?

“Tôi hùng hục đẽo cây, dựng lều, vạc đất...

Cứ phải thật lên gân, lên cốt khắc khì

Thức thòm ước ao, này hoa thơm, ơ trái

Giữa một khoảng rừng thẳm tối âm u!

Tôi quẳng xuống nơi đây cả thời trai tráng trẻ

Hàng tá mồ hôi, chưa xương máu tí nào...

... Vừa tỉnh giấc hão huyền trong ngân như sương rụng

Những câu thơ thất bát chẳng lên ngôi”.

(Định Vị... Thơ)

Có một nỗi tuyệt vọng sâu xa hơn về đời người, kiếp người, phận người mang tính triết lý, hằn lên những nỗi khổ đau không che giấu được. Hóa ra, Nguyễn Hoài Nhơn làm thơ không phải là để theo đuổi mộng công danh mà để thi hóa nỗi buồn thương từ tiền kiếp đến tận mai sau. Nhà thơ ngộ ra rằng, mình là kẻ đơn độc, lạc loài, một “gã ăn mày” trong cuộc bể dâu. Mệnh là thế, nên phải sống cho đến tận cùng “kiếp đa đoan”, sống như hể không tồn tại, “ngỡ chẳng phải là Ta”:

“Nhì nhằng trong cuộc bể dâu

Rằng thơ chưa nói hết âu sầu đời”.

(Thơ viết ở quán cóc)

“Cát bụi ngày sau khổ đau ngày trước

Điệp khúc này xin kính tặng người đương”.

(Điệp Khúc Mưa Đêm)

*"Hoa ru ta kẻ lạc loài
Xác khô như nắng, đêm phai hương còn..."*

(Ru hoa)

*"Ta khờ khạo với cuộc đời chưa đủ
Bỗng thành gã ăn mày xó chợ lang thang
... Ngỡ chẳng phải là ta và... không gì hết
Không biết có thể gian, không biết có đau buồn"*

(Võng Biên)

*"Mệnh này là thứ mệnh khan
Thiên bằng rụi kiếp đa đoan, nỏ chừa".*

(Nóng & Lạnh)

*"Hạt mưa tha hương phương nào
Ta như đất và... như cò
Như chẳng còn ta nữa sao"*

(Thu Mưa)

Có lẽ Nguyễn Hoài Nhơn đã phải trải qua những năm tháng *"thập tải phong trần"* (chữ của Nguyễn Du) mới đạt tới sự giác ngộ những chân lý hiện sinh ấy. Người đọc thấy thấp thoáng tư tưởng Phật giáo trong Khổ đế, triết lý Nho giáo về Mệnh, lẽ an vi của Lão Tử và giấc mơ hóa bướm của Trang Tử (*Ta chẳng phải là Ta*) trong những suy nghiệm triết lý như vậy. Tư tưởng của nhà thơ lóe sáng những ánh bạc giữa mê mông tâm trạng và cảm xúc. Đọc thơ Nguyễn Hoài Nhơn, người đọc có thể nhận ra ám ảnh về *"kiếp đa đoan"* của Nguyễn Hoài Nhơn có căn nguyên từ hiện thực. Đó là, nhà thơ phải sống tha hương, ở cõi chân trời nào đó mà hướng về, mà dõi theo hình bóng xưa. Quê hương mãi

đói nghèo, những người thân mãi khốn khó. Thương cháu lấy chồng miền Tây xa xăm, “xứ ưu phiền” (Cam Phận), thương cậu “một đời viết lách” mà “trắng tay đơn độc” vì nợ “đèo bông thơ” (Cậu Tôi), thương chị nhan sắc mà cô đơn, “niềm yêu mờ mịt bến bờ xa trông” (Chị Tôi). Hồi quang rực rỡ trong thơ Nguyễn Hoài Nhơn là ký ức về làng quê nghèo, nghèo mãi. Hồi quang của bóng tối thăm thăm lại là cuộc mưu sinh xung quanh mình. Những “thị dân” khốn khổ, “lũ chúng sinh vô hình vô ảnh” (Thị Dân), chỉ thấy “thấp thoáng tương lai, quá khứ nhập nhằng” (Thấp Thoáng):

*“Rơm rạ một đời - quê ơi rơm rạ...
Ta-cộng lúa gầy khẳng ngày thất bát mùa
Bữa đói bữa no, mẹ chèo, cha chống
Biết lấy gì sống trọn hết nắng mưa?
Quê ơi quê - con gọi đuôi hơi rồi
... Nắng hạn qua chưa, bão lụt có chắc nguôi”.*

(Miền Trung)

*“Tôi đi góc bể chân trời
Đá mềm chân cứng ba mươi tuổi về
Vẫn còn đó một làng quê
Nhà tranh, vách đất, lũy tre, đường lầy”.*

(Làng)

“Tôi bỗng thiếu quê hương trong ký ức đưa xa nhà”.

(Nhịp Cầu Ký Ức)

*“Bốn mươi năm chẵn, làng ơi
Suối Vàng cạn, khe Máng thôi hết nguồn”.*

(Chợ Làng)

Cho nên, dù thơ Nguyễn Hoài Nhơn có chút gì đó bi quan của tư tưởng cũ, nhưng sức sống của đời thực trong thơ Nguyễn Hoài Nhơn vẫn dạt dào, không hề thoát ly hiện thực, đọng lại thành tình quê hương, tình bạn, tình thân, tình người sâu nặng.

3. Do đâu mà *những câu thơ thất bát chẳng lên ngôi*? Làm thơ rất khó, bởi đó là sự sáng tạo ngôn từ bậc nhất, mà cốt lõi là sự khám phá những tứ thơ. Một nhà thơ đích thực, thì phải tìm được những tứ thơ mới, độc đáo cho riêng mình. Thơ Đường sò dĩ trở thành một nền thơ có tầm vóc thế giới bởi các nhà thơ Đường đã khai thác được những tứ thơ thật độc đáo mà người làm thơ đời sau khó vượt qua. Ở góc độ này của thi pháp, những suy tư triết lý trong thơ Nguyễn Hoài Nhơn đã quá cũ vì các nhà thơ cổ điển đã dẫm mình trong đó hàng chục thế kỷ. Những bài thơ về tình quê hương, bạn bè, người thân, về những con người khốn khổ cũng đã để lại những dấu son trong thơ Việt Nam từ xưa đến nay. Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Nguyễn Khuyến, Nguyễn Đình Chiểu đã trở thành những tượng đài sừng sững trong ngôi đền thi ca Việt Nam. Thơ Nguyễn Hoài Nhơn không vượt qua được, dù anh đã hết sức nỗ lực. Bởi anh đã đi lại con đường của người đi trước. "*Những câu thơ thất bát chẳng lên ngôi*" là vì vậy. Anh phải đi con đường khác, thì may ra. Con đường mà từ nhóm Dạ Đài, Thanh Tâm Tuyền, Bùi Giáng, Lê Đạt, Trần Dần đã thử nghiệm và những nhà thơ trẻ như tiếp tục dấn thân.

Thế nhưng Nguyễn Hoài Nhơn thiên về kiểu thơ truyền thống, hơn là nỗ lực tìm tòi cách tân thi pháp. Anh quyết liệt chê "*Trường phái... thơ*" của Hoàng Vũ Thuật. Thực

ra thơ Hoàng Vũ Thuật không phải là đối tượng mà nhà phê bình hướng tới so với thơ Nguyễn Quang Thiều, Thanh Thảo, Văn Cầm Hải, Ly Hoàng Ly...

*"Thơ anh có nhiều gan, ruột
Câu xoắn, chữ cũng cong, vênh
Đọc trước, quên sau, lạy Chúa...
A - thơ đánh đố, đa kênh..."*

*Chờ chi, nán chờ chi nữa?
Ta quyết "xóa mù"...thơ ta
Chưa kịp nhai câu, nghiền chữ
Thơ chết non, ta chết già".*

Riêng tôi nhận thấy, những bài thơ về quê hương của Nguyễn Hoài Nhơn có thể đứng được, vì ngòi bút Nguyễn Hoài Nhơn có khám phá riêng, tác được những tứ thơ mới mẻ, độc đáo mà người đi trước chưa nói đến:

*"Con xin được ghé vai giữa hai đầu đòn gánh
Mẫu chặt non cao, mẫu đáy biển khơi..."*

(Miền Trung)

*"Lời ru dẫu vông còn đây
Con bò buộc cội rom gầy chân nhang".*

(Làng)

*"Ếch kêu như suối, như lao
Con nưa vọc vạch, gió gào thình không".*

(Xó Quê)

*"Cháu tôi về xứ miền Tây
Đường xa ngái lấm, dò đây, nước dư".*

(Cam Phận)

*"Nghe kỳ lạ quá ve ơi
Kêu như xương rạn, tủy sôi, máu bầm".*

(Lục Bát Tuổi 50)

*"Tóc xanh như gió ấy mà
Mấy mùa còn mấy mùa qua nắng hờn".*

(Chị tôi)

*"Đêm nghe tiếng lá miên man
Tiếng con đế đỏi ru đàn châu non".*

(Thức Cùng Rừng Cháy)

4. Hồi Quang có những bài thơ suy tưởng kiểu thơ Chế Lan Viên, có bài giọng châm biếm (*Trường phái... thơ, Xin trời cho con tí... lụt, Nông dân @.com*), giọng đùa vui xuề xòa (*Cậu tôi*), giọng thổ âm bình dị thân thiết (*Mự tôi*), một chất giọng riêng Nguyễn Hoài Nhơn. Bề sâu của chất giọng ấy là nỗi buồn thâm thiết, bao phủ bên ngoài là niềm vui gượng gạo. Nhịp điệu chắc, khỏe, ào ạt. Nguyễn Hoài Nhơn dùng nhiều vần trắc, cắt rời dòng chảy tư duy, gần như làm mất đi cái dịu dàng, nhẹ nhàng thường có trong nhạc thơ Việt:

*"Ta / còn cổ hơn / phố cổ
Lại ho, lại hắt hơi / khan
Mất môi / mười năm chưa khép
Thời gian mới mệt, thời gian".*

(Bóng Xưa)

*"Mẹ lật đật theo cha xuống cùng cát đất
Con kịp muộn về khấn nén hương đêm
Kí ức thót tim, nhớ thương hằn vết
Con tóc bạc trắng rồi nhiều khi lẫn khi quên".*

(Kí Ức Làng Cao)

*"Tôi hùng hục đẽo cây, dựng lều, vạc đất...
Cứ phải thật lên gân, lên cốt khắc khừ".*

(Định Vị...Thơ)

Nếu nói về thi pháp, thơ Nguyễn Hoài Nhơn vẫn nằm trong thi pháp của thơ 1945-1975. Chịu ảnh hưởng rõ nhất của kiểu thơ kể người, kể việc, gọi nhau ơi ới, hướng về công chúng mà chia sẻ, động viên, cổ vũ (thơ Tố Hữu: *Lượng ơi, Huế ơi, mẹ Tơm ơi, Anh chị em ơi, Bác ơi, Việt Nam ơi,...*): Nguyễn Hoài Nhơn lặp lại nhiều lần những tiếng gọi "*Cậu ơi, mẹ ơi, chị ơi, mình ơi, con ơi, đồ ơi, rơm rác ơi, ve ơi, tuyết ơi, mưa ơi, mầm ơi...*":

*"Con về bên mẹ, mẹ ơi
Năm đất nâu với một trời mộ bia".*

(Về Với Mẹ)

*"Em lên thăm chị sáng nay
Mới quen tiếng nhớ, vui đây chị ơi!"*

(Chị Tôi)

"Bốn mươi năm chẵn, làng ơi".

(Chợ Làng)

Những tứ thơ, lời thơ, giọng thơ như thế đã quá quen thuộc đến sáo mòn. May mà Nguyễn Hoài Nhơn còn làm mới được ở một vài phút sáng tạo tinh khôi, như tứ thơ này chẳng hạn:

*"Gọi đồ rút ruột đồ ơi
Giật mình lủ vạc bay rời nhàu đêm".*

(Đồ Oi)

Tôi bị hấp dẫn bởi những tứ thơ độc đáo của Nguyễn Hoài Nhơn. Tôi cũng phục tài anh ở chỗ, một thành phố hàng chục triệu dân mà anh có thể nén lại thành một file rất chặt, rất sinh động (*Thị dân*). Anh chớp được đường nét, thần thái sông nước miền Tây (*Cam Phận*), anh làm hẳn lên nổi khắc khoải miền Trung (*Miền Trung*). Anh tạc được vóc dáng, tính cách con người miền Trung - bình dị, hóm hỉnh mà sâu sắc (*Mự tôi, Cậ tôi*), đặc biệt anh cảm hiểu sâu sắc những người bạn thơ như Đào Trọng Thử (*Bản chất*), Hữu Loan (*Màu Tím Hữu Loan*), Hoàng Cát (*Lưu lạc*). Nguyễn Hoài Nhơn cũng có chất suy tư Chế Lan Viên, có chút nghịch ngợm khôi hài của Bùi Giáng (*Thơ viết ở quán cóc*), có cả cái cười châm biếm của Trần Tế Xương (*Xin trời cho con tí...lụt*). Nói thế để bạn đọc thấy được màu sắc thâm mỹ trong thơ Nguyễn Hoài Nhơn là rất phong phú. Có được suy tư sâu sắc, có được tình cảm nồng nàn mệnh mang, có được những tứ thơ mới lạ và màu sắc thâm mỹ phong phú, nhưng yếu tố đó đủ làm nên một tài thơ có sức hấp dẫn bạn đọc. Tứ thơ này ám ảnh tôi mãi về Nguyễn Hoài Nhơn:

*"Đêm nghe tiếng lá miên man
Tiếng con dế dỏi ru đàn chấu non
Đêm nghe thảng thốt oan hồn
Sống tha hương, chết tha phương chốn này".*

*(Thức Cùng Rừng Cháy)
Tháng 01.2013*

Đi Suốt Đời Chưa Hết Niềm Say

(Độc tập thơ + lại Phía Thời Gian của Đàm Chu Văn.

Nxb. Hội Nhà Văn, 2009)

Đàm Chu Văn viết: “Đi suốt đời chưa hết niềm say”, hẳn người đọc sẽ tự hỏi, những nỗi niềm làm anh “say” đến suốt đời là gì? Và điều gì làm nên hạnh phúc của anh trong thơ?

“Đi bên những hàng cây/ Thấy hôn xanh trời đất. / Đi bên những cánh đồng/ Nhịp mùa màng tất bật

Đi bên những dòng sông/ Sông nâng đời dào dạt/ Đi bên những con người/ Tình reo niềm chân chất:

*Ta như cây, như đồng
Ta như sông, như biển
Lòng tràn đầy thương mến
Với cuộc đời nâng niu”.*

(Đi Bên Những Hàng Cây)

Đàm Chu Văn mang hồn thơ ấy ngắm nhìn quê hương, đất nước. Đâu anh cũng thấy rạo rờ những sinh sôi đang từng ngày từng giờ vươn tới xa sau:

*“Trời đã cao thêm đất sáng thêm
Nguy nga công nghiệp gọi trăm miền*

*Hương vườn vẩn vít lùa cao ốc
Lối cũ người thương mỗi mắt nhìn”.*

(Nhơn Trạch)

*“Mỗi giây phút tươi ròn sinh nở
Ngàn suối trăm sông dôn tụ mỡ màu
Ngẩng mặt Thái Bình Dương lồng lộng
Xanh vô cùng vô tận xa sau”.*

(Mũi Cà Mau)

Anh ngạc nhiên khi về thăm quê, một quê hương “*tường cao cổng kín giếng đầy*”. Đứng trên đỉnh Lang Bian, tâm hồn anh chất ngất niềm say: “*Phố xá, ngàn thông, sông hồ... như tranh vẽ/ Đất nước muôn trùng ghi riết lòng yêu*”. Cảm thức về quê hương đất nước của anh đã gọi tới nghìn xưa và xa tới ngàn sau, đâu đây câu thơ có cái hào sảng của thi nhân xưa đắm mình cùng non xanh nước biếc cầm tú.

Nhưng Đàm Chu Văn là con người của thực tại, của hôm nay. Nhìn dấu tích xưa ở thành nội Huế, anh chỉ thấy rêu phong: “*Ông hoàng bà chúa giờ đâu/ Bơ vơ chỉ thấy một màu rêu phong*”. Nụ cười hiền từ của Phật ở Bay-on (Angkor Thom) như một giải thoát, anh chỉ thấy đó là “*nụ cười đá*” mà kiếp người mãi là kiếp khổ. Anh trở về với Hội Gióng, để âm vang hùng tráng của lịch sử theo với Gióng bay mãi lên “*Nước mấy nghìn năm nghìn lần giặc giã/ Giáo gươm rèn lẫn với cuốc cày/ Bao thế hệ nối nhau ra trận/ Tự trong nơi đã nghe giục lên đường*”. Kết bài thơ là một tứ rất hay và mới:

*“Giặc tan rồi ngựa sắt khuất ngàn mây
Dường như sắc lửa còn vương lại
Thấm hoa đào hơn hờ triêu trên tay”.*

Cái say đất nước tươi đẹp hùng vĩ chât ngất bao nhiêu thì cái bi thương trĩu lòng trước những đồng đội hy sinh lại níu chặt lấy trái tim anh bấy nhiêu. Đó cũng là một cảm thức say, say nghĩa say tình. Bài *Viếng Bạn Ở Nghĩa Trang Biên Giới Tây Nam* là một bài làm chệnh choáng nỗi đau nơi tâm hồn người đọc về những người lính trẻ chết trận. Câu thơ vừa có chiều rất sâu của lòng yêu thương vừa có những tứ thơ ánh lên sự tài hoa:

*"Anh em về hết cả rồi
Bạn còn nằm lại với nơi đất này
Hai mươi năm lốt kẻ tay
Mẹ cha đã khuất bóng mây cuối chiều
Còn lời hò hẹn người yêu
Vẫn lơ lửng tựa trăng treo trước rừng
Nước non nợ đã trả xong
Bạn nằm ngủ giữa hương đồng mà đau
Bao người lính trẻ quê đâu
Máu xương gửi lại địa đầu Tây Ninh
Bốn bề trời đất lặng thinh
Ngỡ như chẳng có chiến tranh ngày nào..."*

Bên dưới cái đẹp của cảnh, cái đẹp của câu chữ; bên dưới sự bình yên "*như chẳng có chiến tranh ngày nào*" là nỗi đau thấm thía lắm. Nếu đọc bài thơ thật chậm và lắng lòng ta theo từng con chữ, bất giác ta phải đưa tay ôm lấy ngực, vì nỗi bi thương cứ nhói vào tim, không sao yên tâm được: "*Bạn nằm ngủ giữa hương đồng mà đau*". Câu thơ đẹp đến nỗi không thể đẹp hơn và thấm thía không thể thấm thía hơn một tấm lòng với đồng đội. Những bài *Vô Danh*, *Tìm Cậu*, *Suối Săn Máu* cũng đẹp, mệnh mang nghĩa tình và niềm đau như thế.

Tình cảm với cha, với mẹ cũng làm say hồn thơ Đàm Chu Văn. Anh viết về cha, mẹ, về người thân mà tâm hồn như có cánh bay. Anh viết kính tặng cha:

*"Ở Bắc nhớ cháu nhớ con
Vào Nam, để lại mảnh hồn ngoài quê
Mây lành vươn bóng chở che
Phân thân hai nửa đi về chiêm bao".*

(Hai Nửa)

Anh nói với mẹ bằng một giọng trẻ thơ rất đỗi chân thành và cảm động:

"Mẹ ơi!! Con sắp thành người đàn ông năm mươi tuổi mang nặng buồn vui của quá nửa đời người thế mà mỗi khi nhớ về mẹ mình vẫn khóc".

(Mẹ)

Anh chia sẻ với chị những thao thức hao mòn không gian thời gian

*"Gia tài chỉ một bức thư
Một lời hẹn ước gửi từ Trường Sơn
Thế mà mấy chục năm trường
Chị thao thức với đêm mòn trăng sao
Tuổi xuân anh gửi chiến hào
Tuổi xuân chị gửi dấu hao bấc gầy
Nhưng đêm về lạnh mưa bay
Chăn đơn gôi chiếc vơi đầy tâm tư
Giật mình quờ một tiếng ru
Giật mình mình lại vừa mơ thấy mình..."*

Bài thơ có những câu hay đến kinh ngạc. Nó diễn tả được tâm tình thủy chung, cuộc sống đặng đẵng cô độc, và những khao khát cháy lòng của chị. Tình thương tác giả dành cho chị ẩn kín sau những mồi mòn gây hao lạnh buốt. Tứ thơ thấp thoáng phong vị sang trọng của câu thơ Kiều, óng ánh thân tình ca dao, nhưng được dệt bằng chất liệu hiện đại. Bài thơ vừa là tình cảnh riêng của chị, nhưng cũng là cảnh đời chung của bao nhiêu chị có chồng hy sinh ở Trường Sơn. Vì thế sức lan tỏa cảm xúc thật mạnh mẽ. Đã có mấy nhà thơ viết được những câu thơ xúc động về những người vợ trẻ như thế.

Hồn thơ dạt dào yêu thương và nhân hậu của Đàm Chu Văn cũng ôm ấp những thân phận, những cảnh ngộ đầy vui nỗi buồn: những đứa trẻ đánh giày, em bé lang thang dưới mưa, không biết về đâu, những công nhân cạo mủ cao su, những công nhân Long Bình: *"Kíp ca cuốn lốc nhịp đời/ nhớ thương gửi ở đây vui nỗi niềm"; "Bữa cơm trưa vội vã/ tháng hai kỳ lĩnh lương chớp loát/ tính sao cho đủ mọi bề..."*. *"Những lưng trần quần cụt"* dưới ruộng đồng...

*"Giữa mênh mông dạt dào
Tường nghe thấy mùi bùn tanh nơi đồng ruộng
Những áo nâu áo xám mặn mòi
Những lưng trần quần cụt
Một đời ta còn nợ mồi hôi...
... có nỗi buồn ướp nắng
Bay theo".*

(Tản mạn ở nhà sáng tác Nha Trang)

Cảm thức về quê hương, đất nước, lịch sử cao rộng, cảm thức về những nghĩa tình sâu nặng, cảm thức về thời

đại tuy phơi phới niềm tin nhưng còn nhiều nỗi buồn; tất cả ướp trong một trái tim giàu lòng yêu người yêu đời; đó là căn cốt hồn thơ Đàm Chu Văn. Trong cuộc sống đời thường, bao nhiêu nhà thơ bị quay quắt, bị vong thân trong dòng xoáy của đời sống công nghiệp, của những nhập nhòa sáng tối rác rưởi chỗ này chỗ kia, của những tha hoá nhầy nhụa, thì Đàm Chu Văn vẫn giữ được hồn thơ trong trẻo, tinh khôi và hồn hậu, đó là cá tính sáng tạo riêng của anh.

Cá tính sáng tạo này đặc sắc tài hoa trong những bài thơ tình viết bằng lục bát. Xin đọc *Bổng Nhiên Nhớ*:

*"Tường băng quơ ấy là thôi
Bổng nhiên lại nhớ một người đầu đầu
Phải duyên sao chẳng tình đầu
Nợ nần sao chẳng kiếp sau đợi chờ
Thản nhiên người bước vào thơ
Làm xao xác cả cõi bờ nhân gian
Ta đi nhạt tiếng ve tàn
Ai xui cho hạ nắng tràn lên xanh
Ta về nhạt nỗi mong manh
Nhật câu Kiều lấy ghép thành ca dao
Nhật hoa quỳnh ướp chiêm bao
Đợi trăng nghiêng xuống cõi nào vãn vi".*

Mới tiếp cận bài thơ, người đọc gặp một bóng dáng quen quen trong Tương Tư của Nguyễn Bính. Cũng là ca dao điệu nói, cũng là tâm trạng dằn vặt nhớ nhung giải bày. Câu thơ cũng được dệt bằng chất liệu của bút pháp lãng mạn thời Nguyễn Bính, thế nhưng những tứ thơ lạ bỗng sáng loá lên, đến ngỡ ngàng:

*“Ta đi nhặt tiếng ve tàn
Ai xui cho hạ nắng tràn lên xanh”.*

Tương tư mà hồn thơ tươi xanh quá. Tiếng ve tàn nhưng mùa hạ vẫn rục rở đến chói chan. Một ngày óng chuốt dịu dàng và một đêm quý phái thơm nức hương hoa:

*Nhật hoa quỳnh ướp chiêm bao
Đợi trăng nghiêng xuống cỏi nào vân vi*

Những bài *Ai Đem Thương Nhớ, Bao Giờ Cho Đến Sớm Mai, Mắt Đen, Ru Em, Bâng Quơ Lục Bát* đều có chất tài hoa của “giống đa tình” làm thơ. Tôi rất thích những bài như thế bởi vì nó bộc lộ chất thi sĩ của Đàm Chu Văn.

Nhà thơ phải có phẩm chất thi sĩ. Không có phẩm chất thi sĩ thì thơ chỉ là văn xuôi bất thành văn. Nhất là khi viết lục bát, người không có tư chất thi sĩ thì chỉ có thể viết những bài ca, bài vè. Lục bát là thể thơ thách đố phẩm chất thi sĩ căng thẳng nhất. Muốn vượt qua được những thách đố ấy người làm thơ phải có tài năng sáng tạo ngôn ngữ, phải có tư duy nghệ thuật riêng cùng với tố chất đa tình. Đàm Chu Văn chưa đạt tới kiểu tư duy nghệ thuật mới, song anh có nhiều tứ thơ mới, đủ làm nên thơ hay, đủ tạc nên một khuôn mặt có đường nét cạnh sắc dễ nhận ra giữa nhiều nhà thơ.

Đó là một khuôn mặt sáng tươi trẻ thơ, đầy ắp niềm vui. “Mười lăm mười bảy tươi xinh/ Ước gì giữ mãi tuổi mình bấy nhiêu”, dù có những vụng dại, khuôn mặt ấy vẫn trong. “Môi tình dấu vụng dại/ Nỗi đắng dót trong ngần” (*Hoa Tầm Xuân*), và cái nhìn rất xanh.” *Vịn vào nắng mai/ Mắt xanh sức*

*trẻ/ Lòng như chớm hé/ bao nhiêu hẹn hò” (Ru) “Ta về ta nhớ
mùa xuân/ Ta về ta nhớ trắng ngần màu trắng”.*

Khuôn mặt ấy cũng thoáng có nét buồn riêng, ẩn hiện những nét nhăn thế sự dày vò (Nhiều Khi). Tuy vậy, nỗi buồn ấy qua nhanh vì cuộc sống chảy đi cuồn cuộn “*Chẳng kịp buồn dai/ buồn trang sức/ phớt hời hả vào đêm căng nức/ dòng Đông Nai sôi réo những con đường*” (Chiều Biên Hòa). Thơ anh lấp lánh sắc màu, dạt dào hân hoan. Thơ anh vượt lên nỗi đau, vượt lên những cực nhọc đời thường. Thơ anh nói được cái đẹp cao cả và phát hiện cái đẹp mong manh. Cả cái rác, cái dơ, cái sex cũng thăng hoa trong thơ anh thành cái đẹp (xin đọc *Thời Đại, Thiếu Nữ, Chiều Biên Hòa, Những Câu Thơ Đã Tặng*).

Cái thú vị khi đọc thơ Đàm Chu Văn là những tứ thơ mới lạ, ẩn mật và vụt lớn lên có thể làm ta ngây ngất. Xin đọc:

*“Mãi không về những người trai khiêng kiệu
Giặc tan rồi ngựa sắt khuất ngàn mây
Dường như sắc lửa còn vương lại
Thắm hoa đào hơn hờ triu trên tay”.*

(Hội Gióng)

*“Thời gian xô về hai phía
Riêng ta tha thẩn bước dừng
Quê hương bé thơ chập chững
Đã ùn mây trắng sau lưng”.*

(Thăm Quê)

*“Muốn quên thì giục nhớ
Quảy càn khôn lên ngàn”.*

(Nhiều Khi)

*“Ngược miền xanh xưa
Gặt về nuôi tiếc
Vẫn còn phía trước
Gió đầy hai vai”.*

(Ru)

Đàm Chu Văn vẫn sáng tác bằng thi pháp thơ truyền thống, đôi khi sự sáng tạo không vượt xa được con đường cũ. Anh cũng không thành công trong thể loại tứ tuyệt hiện đại, có lẽ vì anh chưa khai thác được những đặc trưng thi pháp của Tứ Tuyệt truyền thống. Thơ anh là cây đời xanh tươi, anh chưa vươn tới kiểu thơ tư tưởng. Thực ra tư tưởng trong thơ anh là cái nhìn cuộc đời tươi xanh, là tấm lòng nhân hậu và lý tưởng thẩm mỹ giàu chất nhân văn. Tôi tin rằng với tư chất tài hoa, anh sẽ còn viết được nhiều bài thơ hay, vì anh vẫn còn rong ruổi giữa *Hai Phía Thời Gian* với tấm lòng rộng mở và hồn thơ trong trẻo reo vui.

Tháng 9/2009

“TÁC BẠC RỒI HỒN VẪN TRẺ THƠ”

(Đọc Đồng Dao Cho Mình -
thơ Đỗ Minh Dương, Nxb . Trẻ, 2013)

Bài thơ *Nằm Vong Giữa Rừng Chiến Khu* của Đỗ Minh Dương có sức hút kỳ lạ sự chú ý của tôi đối với thơ anh:

*“Về nguồn với chiến khu xưa
Lại cùng mắc vông đung đưa giữ rừng
Vông chao cây động ngập ngừng
Sương nhòa mắt lá rừng rừng mái đầu.*



*Vông nghiêng về phía khe sâu
Nhớ ai dẫn gỏi bắc cầu trong mưa
Vông nghiêng về phía rừng thưa
Nhớ triền rẫy chín hương mùa thoảng bay
Vông nghiêng về phía rừng dày
Bếp Hoàng Cầm tỏa ấm ngày khao quân
Vông chao cho dạ bồn thần
Thương hoài mắt mẹ trong lần tiễn đưa
Nghiêng rừng cơn sốt mùa mưa
Bạn hy sinh để vông thừa chông chênh*

*Có đêm thức giã giết mình
Lệnh truyền bỏ võng kíp hành quân ngay
Quân đi dưới tán rừng dày
Lăn theo dấu võng dấu tay bạn bè
Bom rơi đạn nổ tứ bề
Cây rừng gãy đổ võng che chở người.*



*Bây giờ đưa võng thành thơ
Tiếng rừng man mác như lời mẹ ru
Bạn nằm kể chuyện chiến khu
Võng chao nghiêng cả rừng thu bồi hồi”.*

Ai đã sống trong thời đạn bom chiến trận, đọc bài thơ này hẳn sẽ xúc động về những ngày tháng hào hùng và thấm thiết nghĩa tình. Điều ấy giờ đây đã trở thành tâm thức Việt Nam. Bài thơ cũng ánh lên nét tài hoa của ngòi bút Đỗ Minh Dương. Trong tập *Đợi Chờ Bình Minh Em* (51 bài) của anh cũng có nhiều bài hay như vậy (*Áo Lính Một Thời, Hà Nội Một Chiều Mưa, Kỷ Vật Thiêng Liêng, Với Dòng Sông Quê, Uống Rượu Với Người Trong Tranh...*).

Tôi trộm nghĩ điều này. Chiến tranh vệ quốc đã trở thành thiêng liêng, bao nhiêu cảnh ngộ dữ dội, bao nhiêu cảm xúc mãnh liệt, bao nhiêu nỗi niềm sâu lắng, và bao nhiêu điều muốn sẻ chia thôi thúc nhà thơ sáng tạo. Những bài thơ như *Nằm Võng Giữa Rừng Chiến Khu* dễ làm say lòng người. Trở về cuộc sống đời thường, những sự tích hào hùng không còn nữa, những xúc cảm mãnh liệt đã phai pha, cuộc sống cơm áo kéo nhà thơ từ đỉnh cao lý tưởng xuống những nhọc nhằn ghì sát đất. Và hơn thế, những nhiều nhương của đời trần tục làm thất vọng nhà thơ. Tôi

tự hỏi nhà thơ lấy đâu ra cảm hứng lãng mạn, tìm đâu ra một bầu trời trong sáng để cho hồn thơ vút lên? Cho nên thơ được in rất nhiều nhưng thơ hay thì phải đi tìm.

Người làm thơ hôm nay phải nhọc nhằn đi tìm được tứ thơ mới, phải vắt cạn tâm huyết mình để thắp lửa cảm hứng trong tim, và trăn trở khôn nguôi để làm mới ngòi bút. Họ chống chọi kiệt sức với những lối mòn thơ ca đang làm cho câu chữ của mình cũ đi. Nhiều người đã không vượt qua thế hệ làm thơ thời chống Mỹ, và không vượt qua chính mình, đành ngậm ngùi nhìn ngọn nến sáng tạo tàn lụi. Đọc *Đồng Dao Cho Mình* của Đỗ Minh Dương, tôi thấy hồn thơ anh vẫn còn sung sức và có chỗ khởi sắc.

I. ĐỒNG DAO CHO MÌNH

Đồng dao là những khúc hát dân gian của trẻ con, thường gắn liền với những trò chơi. Nội dung của đồng dao là câu chuyện về những sự vật gần gũi trong thế giới thần thoại của trẻ, nhiều bài ngô nghê chỉ có vần điệu cho vui. Chẳng hạn bài: *"Chi chi chành chành/ Cái danh thối lả/ Con ngựa chết trương..."* hoặc bài *"dung dăng dung dẻ..."*. Trẻ con thích vui, thích lạ, thích ngộ nghĩnh, không cần tra hỏi ý nghĩa là gì. Để được sống trong thế giới đồng dao, Đỗ Minh Dương tìm về thế giới tuổi thơ:

*"Tôi về tìm lại tuổi thơ
Một thời cất giữ trong bờ tre gai
Chui rào xước cả vành tai
Mùi trắng thơm thể mùi khoai nướng vùi
Ổ rơm nằm cuộn... mà vui*

*Chợt nghe tiếng trẻ xì xào
Hỏi rằng: "Ông ở thôn nào lại chơi?"*

(Tìm Lại Tuổi Thơ)

Tứ thơ "Mùi trắng thơm thể mùi khoai nướng vùi" thật lạ lùng thú vị. Câu hỏi của trẻ chắc làm nhà thơ giật mình nhận ra mình đã già. Bài thơ kết bằng một nụ cười hồn nhiên. *Tìm Lại Tuổi Thơ* là nhạc của ca dao thì *Đồng Dao Cho Minh* mới thực là nhạc của đồng dao dân dã:

*"Từng qua chiến trận
Ngõ còn như mơ
Cớ gì phải sợ
Những điều vu vơ:*

...

*Sợ trái chưa chín
vỏ đã đổi màu
Sợ người buông câu
chẳng nhằm vào cá
Sợ tay ném đá
giấu vào sương thu
Sợ khúc hát ru
trở nên xa lạ..."*

(Đồng Dao Cho Minh)

Bài thơ sử dụng thể 4 chữ của đồng dao, thơ điệu nói. Nhiều hình ảnh biểu cảm liên tiếp xuất hiện theo vần điệu, đó là những hình ảnh của thi pháp ca dao. Thế nhưng có sự đột ngột chuyển hình ảnh biểu cảm thành tứ thơ, ngôn ngữ trở nên hàm nghĩa và tích tụ năng lượng thẩm mỹ đáng ngạc nhiên. Trong khoảnh khắc, bài thơ ghi được ấn tượng

nơi người đọc. Thơ dung dị như đồng dao nhưng lại lãng mạn như thơ trữ tình, và thấp thoáng ý vị triết lý nhân sinh.

Đồng dao cho mình là những khúc hát cho chính nhà thơ, vừa là tự tình, vừa là bày tỏ, vừa là nhận thức, vừa là triết lý nhân sinh. Những bài thơ tâm tình với mẹ, với cha (*Ngày Giỗ Mẹ, Khuyết, Trên Cát Bông*) chia sẻ nỗi đau với người vợ mất chồng, con mất cha (*Với Người Trong Ảnh, Điểm Tựa*) là những bài thơ đạt tới chỗ sâu thẳm của hồn người, của tình người, mà đời sống xô bồ hôm nay ngỡ như vùi lấp đi mất:

*"Đứa trẻ không cha
Con cưng của chị
Chuyện thời chống Mỹ
Nó ngồi im nghe
Kể cho bạn bè
Pha màu thần thoại..."*

*Nhà tranh cỏ dại
Trẻ già nương nhau
Đêm trở cơn đau
Chiều lên cơn sốt
Trong mê tháng thốt
Chị gọi người xưa*

*May còn lời thừa
Tiếng con gọi mẹ
Như cây lặng lẽ
Chờ che cho người!"*

(Điểm Tựa - Tặng chị Thảo)

Thế đồng dao 4 chữ hồn nhiên đã hoàn toàn trở thành thơ trữ tình. Nhạc thơ giúp phát triển nhanh mạch truyện. Câu chuyện được kể thật khách quan và tự nó có sức tác động đến cảm xúc của người đọc. Thương quá tình cảnh của chị và của cháu nhỏ, nhưng cũng cảm phục biết bao những hy sinh âm thầm nhưng phi thường của những người vợ Việt Nam có chồng hy sinh trong chiến trận. Nói như thế, đồng nghĩa với sự khẳng định tài thơ của Đỗ Minh Dương trong việc khắc họa vẻ đẹp tính cách con người Việt Nam trong đời thường. Thực ra đó chính là *đồng dao cho mình* của tác giả. Quan sát, tìm kiếm, khám phá những giá trị bị khuất lấp trong đời thường, để nuôi dưỡng hồn thơ thanh khiết. Ở mảng thơ này, bài *Chợt Nghĩ* có ý tưởng thật lạ. Tác giả phập phồng về cái ngày “*Quý thân đến rước*”, và tác giả sẽ mang theo một gánh phong trần buồn đau, để,

*“Hóa thân vào mảnh đất nghèo
Hồn theo cơn gió ngược chiều ly hương
Qua nơi xưa - đất chiến trường
Gặp bao đồng đội hỏi đường về quê...”*

Người ta trước khi chết thường nghĩ đến siêu thoát, đến Niết Bàn hay Thiên đàng cho linh hồn được thanh thoi. Đỗ Minh Dương lại hóa thân vào mảnh đất nghèo, lại về chiến trường xưa để gặp bao đồng đội còn xa lạ quê hương. Đó là những tứ thơ để thể hiện cái tình quê và tình đồng đội sâu nặng vượt qua cả kiếp lai sinh. Thơ đời thường nói được những tình ý chân thành như thế thật không dễ tìm thấy trong thơ hiện nay.

2. ĐỒNG DAO CHO NGƯỜI TÌNH

Đỗ Minh Dương gọi tình yêu của mình là “tình khờ”:

*“Tôi kẻ đại khờ
Tình yêu nông nổi
Khát giọng em nói
Tin lời trong mơ

Như sóng vỗ bờ
Như cây trĩu quả
Muốn dâng tất cả
Vì yêu nát lòng

Thoảng nghe em buồn
Lòng tôi muốn khóc
Thương em khó nhọc
Nhưng mong đỡ dần

Mặc đời chuyển vần
Kệ lời chê trách
Đất nung nên gạch
Em làm nên tôi...”*

Vẫn là thể 4 chữ đồng dao, vẫn là cách nói bộc trực bằng những hình ảnh biểu cảm. Những tình những ý không mới so với thơ tình truyền thống, nhưng bài thơ kết bằng một tứ rất lạ và cũng rất đồng dao. *Mặc đời chuyển vần/ Kệ lời chê trách/ đất nung nên gạch/ Em làm nên tôi...* Đất nung nên gạch thế nào thì tình yêu của em nung nấu tôi, làm nên tôi như thế. Tôi không còn là tôi mà trở thành tình yêu hiến dâng, tình yêu chia sẻ. Dầu vậy, tôi chỉ là kẻ đại khờ, bởi tình yêu của em với tôi vẫn xa tầm tay với. Nhiều bài thơ tình trong *Đồng Dao Cho Minh* có cái chất vị ngọt ngào nhưng xót xa,

hạnh phúc trong đau khổ, rất thực mà rất ảo, rất gần mà rất xa, rất thánh thiện nhưng cũng trần tục, và không sao lấp đầy những khát vọng yêu thương, thành ra người thơ không sao quên được, và vì thế duyên thành nợ, niềm vui trở thành sự dẫn vật khôn nguôi:

*“Nếu quên em được
hắn anh nhẹ lòng!
trắng trôi bến nước
trải buồn đầy sông*

*Thuyền anh cũ nát
chơi vơi bến bờ
qua bao ghềnh thác
tóc chiều bơ vơ!*

*Chim bay về mộng
lạc vào tim đau
cõi đời cao rộng
để gì thương nhau?*

*Bao lời hẹn ước
tan vào thỉnh không
nếu quên em được
hắn anh nhẹ lòng!”*

Đọc bài thơ thật chậm và trái lòng mình vào từng câu chữ, từng tứ thơ, bạn đọc sẽ chia sẻ được với nhà thơ một nỗi buồn thấm thía, mênh mông như ánh trăng trôi trên sông. Tất cả cứ trôi đi, chỉ còn lại trái tim đau, chơi vơi trong ghềnh thác, suốt một đời cả đến khi tóc đã về chiều, hồn vẫn bơ vơ. Bài thơ có những tứ thật đẹp và diễn tả cái bi thương sâu nặng của một nỗi vô vọng: *“Cõi đời cao rộng/ để*